

TÔ HOÀI

# Trạng Hiấ



**Ebolic**  
Nhà xuất bản Phụ nữ

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ



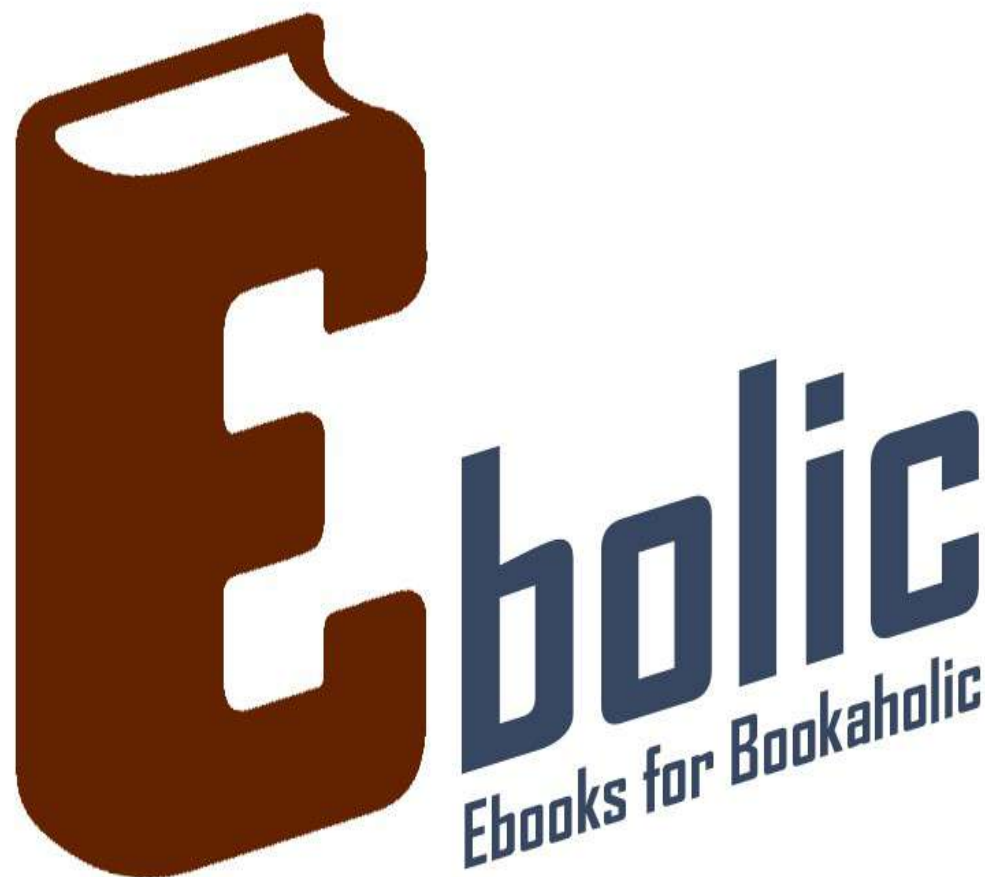
Tác phẩm: **Trạng Hít**

Tác giả: **Tô Hoài**

Thể loại: **Truyện cổ dân gian**

Nhà xuất bản: **Phụ nữ**

Năm xuất bản: **2006**



### **Dự án Ebolic #25**

Shooting: **Nguyễn Huyền**

Typing: **LVBT, Kpage**

Checking: **H.Bourne**

Leading & Publishing: **Tornad**

Ngày hoàn thành: **15/6/2017**

**Ebolic** là dự án chế bản ebook do **Bookaholic** thực hiện. Chúng tôi hoạt động hoàn toàn phi lợi nhuận và dựa trên tinh thần tự nguyện, với mục đích mang đến cho độc giả những đầu sách hay và lan tỏa văn hóa đọc cho

cộng đồng. Chúng tôi khuyến khích độc giả mua sách in, và chỉ nên tìm đến ebook này khi không thể tiếp cận ấn phẩm sách.

**Liên hệ với Ebolic qua:**

**Email:** [ebook@bookaholic.vn](mailto:ebook@bookaholic.vn)

**Group:** [facebook.com/groups/ebolic](https://www.facebook.com/groups/ebolic)

**Fanpage:** [facebook.com/EbolicEbook](https://www.facebook.com/EbolicEbook)

## MỤC LỤC

TRẠNG HÍT

NÀNG XUÂN HƯƠNG

HAI NHÀ SỰ CHẾT OAN

ĐỘNG TỬ THỨC

VỢ CHÀNG TRƯƠNG

TRA TẤN HÒN ĐÁ

VUA HEO

CHƯA ĐỖ ÔNG NGHÈ ĐÃ ĐE HÀNG TỔNG

CHÀNG RỄ KÉM MẮT

ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH

MỤ LƯỜNG

ÔNG BA VÀNH

GIÁP HẢI

HỒ BA BỂ

LẤY VỢ CỐC

## TRẠNG HÍT

Năm ấy, hạn hán dữ, suốt vụ không có mưa. Những rộc mạ héo vàng hắt. Có nơi, cả mạ cả lúa tự rụng bốc cháy đùng đùng như ai đốt cây rơm. Cánh đồng xơ xác, quang vắng, đất nẻ toác, con trâu lột chân xuống lỗ nẻ không rút lên được. Giữa vụ gặt mà nhiều nhà đứt bữa.

Vợ bảo chồng:

– Nhà ta chẳng còn một hạt gạo gầy. Mình hay nói là cái khó chẳng bó được cái khôn, bây giờ cũng túng lắm rồi, mình hãy đi tìm đâu được vài ba cái khôn về cời cái khó ra cứu mẹ con tôi xem có được không nào.

Quả tình là người chồng vẫn nói thế và tin thế. Chàng ta vui tính, cái gì cũng tính ra toàn cái được, không chịu mất, không chịu thua bao giờ. Người không biết, bảo anh ba hoa, khoác lác. Không phải, anh là người cả tin.

Lúc ấy, người chồng gật gù:

– Ờ để tao đi xem có được cái gì nào.

Suốt buổi, chồng vợ vẫn không tìm ra cái quả, cái lá, con dế, cái gì có thể đem về nhà ăn được, mà cũng chẳng gặp người nào nói một câu khôn ngoan, chỉ thấy người đói mím miệng cúi đầu đi tất tả, ai cũng đi đâu không biết.

Vừa buồn vừa mỏi chân, anh bần thần trở về lại vừa đi vừa nghĩ nói thế nào cho yên lòng vợ con, làm sao không được cái ăn mà vợ con vẫn vui.

Cũng buổi sáng hôm ấy, khi chồng vừa đi thì vợ ở nhà cùng các con cũng ra ruộng tìm cái ăn, hôm nào mẹ con cũng loăng quăng, vợ vẫn thế. Đến một ruộng ngô nhà ai vừa bẻ, mót được mấy bắp ngô kẹ, mừng quá, đem về nướng.

Nướng ngô xong, mẹ nói:

– Chỗ này của mẹ con ta, bấp ngô kia thì cất vào trong chĩnh, để chốc nữa bố về ăn. Nhớ đây cái mo nang kéo chuột chui vào gặm mất.

Chồng về đến cổng, nghe tiếng vợ trong nhà đương nói. Chồng không vào mà đi trở ra, một lát mới quay lại, làm như vừa mới về.

Vợ hỏi:

– Thế nào, đi đâu từ sáng tới giờ?

Chồng cười:

– Chẳng được cóc khô gì!

– Thế mà còn cười cười là cười thế nào?

Chồng vẫn cười:

– Nhưng mà tao gặp được cái này cũng hay.

Vợ lại hỏi:

– Hay là hay thế nào?

Chồng nói:

– Con ngựa chỉ đi đường có một lần, dù xa đến đâu, dù nó trở về một mình ban đêm hay ban ngày, ngựa chỉ đánh hơi mà nhớ đường. Tao cũng giống con ngựa.

– Thế thì là sao?

– Nhà ai vớt con mèo xa mấy ngày đường, cách mấy phiên chợ rồi mà mèo cũng lần ra đường về nhà. Tao cũng bằng con mèo.

– Thế thì sao?

Người chồng được đà ba hoa, kể:

– Chẳng là tao vừa gặp một ông dạy tao hít, biết hít đánh hơi như con ngựa, con mèo, con chó khi đi đường một mình. Giấu ở đâu tao cũng hít thấy, đứa ăn trộm ăn cắp cất kỹ thế nào tao cũng hít ra.

Nghe chồng nói cũng hay hay, vợ cười:

– Thế nhà nó thử hít xem trong nhà ta đương có gì ăn được không?

Chồng bước ra giữa nhà, hếch mũi lên hít quanh bốn phía. Rồi đến chỗ cái chĩnh, nhắc chiếc mo nang thò tay vào, lấy ra cái ngô nướng.

Vợ lạ quá, đi khoe khắp các hàng xóm.

– Nhà tôi mới học được mẹo thầy hít, cái gì để đâu cũng hít thấy được.

Có bà ở xóm ngoài vào hốt hải vừa chạy vừa kêu: “Các ông các bà ơi! Đứa nào bắt mất của tôi đàn lợn con. Tôi tìm từ sáng không thấy. Hay là con hổ tha mất rồi, con hổ ăn cả sáu con lợn con của tôi rồi. Bác ơi! Bác cứu tôi với!”

Vừa hay, anh chàng lù lù về. Anh đi kiểm tổ ong mật ở ven rừng. Lúc này, đã trông thấy một đàn sáu con lợn tháu chui vào bụi tre. Chỉ tình cờ gặp, anh chẳng biết đàn lợn đi tìm cái ăn hay đàn lợn sợ con hổ hay con chó sói mà chạy vào đấy – anh cũng không để ý. Anh bước nhanh nhanh về nhà, bởi còn lo bọng mật ong chảy hết. Vai anh đeo tổ ong nặng trĩu, mật chảy giọt giọt xuống đất.

Anh đã nghe tiếng bà lão rên rĩ kêu khóc.

Anh hỏi:

– Bà khóc gì đấy?

Trông thấy anh, bà lão càng hét to:

– Ối giời ơi, ông trạng Hít đây rồi. Ông mà tìm được đàn lợn, tôi biếu ông con đầu đàn.

Trạng Hít đặt cái tổ ong vào mặt tàu lá dáy ở bãi cỏ cho mật khỏi chảy phí. Rồi trạng Hít ra giữa sân, bốn phía, nhắm mắt, làm vẻ nghiêm, hếch mũi thở một hơi dài. Sau đấy mở mắt trở tay vào cửa rừng:

– Đàn lợn nhà bà đi lạc thôi, không bị hổ vồ đâu. Đi theo tôi.

Rồi trạng Hít khoan thai đi trước, bà lão lập cập bước theo. Đến bên bụi tre, trạng Hít cúi xuống nhìn dấu chân lợn con chi chít in trên mặt bùn. Bà



lão lom khom theo vết bùn vào trong bụi tre. Thấy cả đàn sáu con lợn ngủ lẫn lóc phơi bụng trong ấy.

Trạng Hít được bà lão giữ lời hứa biểu anh con lợn đầu đàn.

Lời đồn đại về trạng Hít càng vang dội. Người vợ vui nhất, họ hàng bên nội bên ngoại nể vì, nhất là phía nhà vợ. Mấy lâu nay ả xấu hổ, vì có ba người chàng rể trong nhà thì chồng chị vô công rồi nghề lại ăn bơ làm biếng, bị cả nhà xem thường nhất.

Bây giờ thì ai cũng khen anh hết lời, lại có vẻ sợ nữa, vì anh có phép lạ.

Một hôm, chị về nhà, bố nói:

– Chồng mày thành ông trạng rồi. Cả thiên hạ bảo thế. Tao muốn thử tài nó xem thế nào. Mày về bảo chồng mày đến đây, nó mà hít được chỗ nào tao chôn chính bạc thì tao cho nó một nửa.

Vợ trạng Hít về nhà. Chị hớn hở, chị mừng vì cha mẹ đã biết quý chàng rể tài ba hơn là cái mừng được thưởng chính bạc. Chị hí hửng kể với chồng về việc bố vừa bảo.

Nhưng trạng Hít nghe xong, sa sầm nét mặt, thở dài nói:

– Thế này thì chết tao rồi.

Vợ ngạc nhiên hỏi tại sao. Trạng Hít bảo tao có biết hít, biết đánh hơi ra cái gì đâu. Mới kể lại đầu đuôi thật tình từ việc cái ngô nường trong chĩnh.

Rồi bản khoản hỏi vợ:

– Bây giờ làm thế nào?

Lạ thay, vợ trạng Hít không bối rối mà lại thản nhiên nói:

– Chẳng có sao mà lo, hơi đâu mà lo. Con cái trong nhà thì phải biết tiền bạc để ở đâu chứ. Từ ngày chưa đi lấy chồng tôi đã biết bố chôn chính bạc ở chỗ gốc cây mít. Đương lúc đói kém thế này mà được bố thưởng bạc thì hay lắm.

– Có thật không?

– Thật chứ.

Trạng Hít reo lên:

– Thế thì được rồi, thế thì được rồi.

Vợ chồng trạng Hít sang nhà bố mẹ, đã thấy giữa nhà bày mâm rượu với thịt gà. Bố vợ bảo chàng rể:

– Bấy lâu anh đi trốn tài những đâu, nghe nói giỏi lắm. Nhưng tao mới tin một nửa. Bây giờ tao thết anh bữa chén rồi nếu anh mà chỉ ra được chỗ tao chôn chính bạc thì tao mới thật cho anh là trạng, tao thưởng cho nửa chính.

Trạng Hít chấp tay vái tạ bố vợ. Rồi ngồi vào mâm, bố vợ và chàng rể chèn chén khè khà một lúc rồi trạng Hít đứng dậy thong thả bước ra giữa sân, ngoảnh mặt nhìn bốn phía rồi lại hếch mũi lên hít từng hơi dài. Xong đâu đấy, trạng Hít thong thả đứng định tới chỗ gốc cây mít to đằng sau nhà.

Bố vợ hoa tay múa chân hét lên: “Thật là trạng! Thật là trạng!” Rồi bố con lại ngồi vào mâm rượu. Chập tối, bố vợ lấy thuổng ra đào cái chính bạc bên gốc mít lên. Rồi chia cho con rể năm mươi lạng, bỏ vào cái tay nải. Trong đêm, chàng rể xách ngay túi bạc về.

Tiếng tăm trạng Hít càng lừng lẫy. Trạng Hít cũng giả bộ làm cao, được mời nhưng không đi hít tìm những cái lặt vặt. Thế rồi một ngày kia, trong kinh đô, nhà vua mất trộm một con rùa bằng vàng. Quan quân đã bắt, đã tra hỏi cả trăm người trong triều ngoài nội mà chưa ra manh mối. Có người hiến kế biết ở cõi ngoài có ông trạng Hít khét tiếng, cái gì ở đâu cũng hít thấy được.

Nhà vua sai một quan hoạn với hai người lính bí mật về tận làng trạng Hít. Tức khắc, trạng Hít được ngồi cáng võng lên kinh đô, không kịp từ biệt vợ con.

Nằm trên cáng, trạng Hít lo sốt vó. Cả đêm không thể ngủ được. Vua gọi lên kinh tìm của báu, mà trạng Hít chỉ có tiếng hã, tìm làm sao được. Thế thì chết đến nơi rồi. Càng gần tới kinh đô, tưởng như cái chết càng đến bên cạnh. Sau cùng, trạng Hít nghĩ trăm cách chỉ có cách chết đi thì mới hết lo.

Trời nắng to, đến bến đò sang sông. Ra tới giữa dòng, trạng Hít nằm trên cáng lặn mình rơi tồm xuống nước. Quan và lính cuống lên. Đi đón trạng, lại để trạng ngã xuống sông, trạng mà chết thì mất đầu cả bọn. Ngay lập tức, hai người lính nhảy xuống sông mò trạng Hít. May quá, một lát kéo được trạng Hít lên thuyền.

Mấy người cầm chân đốc ngược cho ông trạng ộc nước ra đằng miệng, trạng Hít lại sống.

Trạng Hít ngồi dậy, nói:

– Bận đâu đến chúng mày mà rồi cả lên, tao lộn xuống thủy cung để hỏi vua Thủy có biết đũa nào đã lấy cắp con rùa vàng để nhà vua cho đi bắt chúng nó chứ có phải tao ngã chết đuối đâu.

Nói thế rồi trạng Hít lại lên nằm cáng, lại càng lo, lo hơn lúc này, lo hơn mọi lúc, bởi vì trốn cái lo muốn chết mà không thoát. Bây giờ biết chết cách nào, từ đây vào thành có còn qua con sông nào nữa để nhảy xuống trầm mình được?

Nhớ nông nổi bấy lâu vì lừa lọc dối trá mà được tiếng, chứ có tài cán thế nào đâu. Nghĩ hồi quá, trạng Hít vật mình trên cáng, kêu to:

– Bụng làm dạ chịu, bụng làm dạ chịu, còn oan ức nổi gì!

Không ngờ người lính khiêng cáng tên là Bụng. Viên quan hoạn đi theo cáng hộ tống ông trạng Hít thì tên là Dạ. Lại không ngờ nữa, chính quan hoạn Dạ và bọn người lính nọ đã mưu với nhau vào cung lấy trộm con rùa vàng. Nghe trạng Hít kêu lên thế, cả mấy người rụng rời tay chân. Tưởng trạng Hít đã gặp vua Thủy, vua Thủy đã cho biết tên Dạ, tên Bụng là thủ phạm, là kẻ trộm, sự thể việc gian trên trời dưới nước biết hết cả rồi.

Thế là quan hoạn Dạ bắt hai người lính hạ cáng quan trạng Hít xuống. Cả quan lẫn lính quì lạy trạng Hít như tế sao. Rồi thú tội ăn trộm với quan trạng, nói con rùa lấy trộm vẫn còn giấu trên mái nhà trong cung, ở một đầu đao mái. Lại giập trán xuống xin quan trạng tha cho tội chết, đừng mách vua biết chúng họ là kẻ trộm.

Trạng Hít ngồi trên cáng chỉ lừ mắt không nói gì. Không hiểu quan trạng nghĩ thế nào, họ lại càng sợ. Cả người khiêng cáng và quan hoạn cứ bước dật dờ như sắp ngã.

Về đến trong thành, vua cho đưa trạng Hít vào cung ngay. Vua bày tiệc khoản đãi mừng quan trạng đi đường xa về. Nhưng trạng Hít nói việc khẩn cấp lắm, xin nhà vua cho trạng ra tìm báu vật đã rồi mới yên tâm ăn uống được.

Trạng Hít chấp tay giữa sân rồng, đứng ngẩng mặt, lại cong mũi hít bốn phía. Rồi đồng dặc quát:

– Đuổi được con ma, ma biến rồi kìa. Cho ngay năm trăm quân bắc thang trèo lên mái điện sẽ lấy lại được con rùa vàng ma giấu ở đầu đao.

Mấy trăm quân leo lên mái nhà khắp hoàng cung, lại trèo ra lục soát tất cả các đầu đao ngoài mái cong vút. Quả nhiên, thấy con rùa vàng.

Đến hôm được thưởng to rồi ra về, trạng Hít nằm trên cáng ngủ một giấc no. Câu chuyện ăn trộm của quan hoạn Dạ và người lính tên là Bụng không một ai biết.

Bây giờ thì trạng Hít giàu có nhất cõi rồi. Trạng Hít không nhận đi tìm của cải mất trộm cho người nào nữa. Và chẳng, người ta cũng không dám đến nhờ, sợ ông Trạng Hít có phép thần, ông là người nhà trời xuống thế gian, gặp ông trạng ai cũng cúi đầu vái.

Thế là trạng Hít ung dung giàu có và nhàn hạ. Tiếng tăm trạng Hít cứ càng nổi như sóng cồn.

Sảy trong kho của nhà vua nước Trung Quốc phải một mẻ trộm lớn, mất cả những chiếc vạc bằng vàng đựng vô số kim cương, châu ngọc. Nhà vua đã cho triệu đạo sĩ, thầy bói các cõi về cầu cúng, dàn bùa khấn trời bắt ma cả tháng mà không dò thấy tăm hơi của cái đầu.

Nghe tin bên nước Nam có ông trạng Hít tài giỏi, vua cho sứ giả đi nhờ vua nước Nam mời ông trạng Hít sang giúp. Ôi chao, lần này thì trạng Hít còn phát hoảng gặp bao nhiêu lần năm trước lên kinh đô tìm con rùa vàng,

hoảng đến hóa điên mất. Làm sao tìm được, ôi chao thôi thì chẳng biết thế nào, lại chỉ có cái chết mới có thể hết chuyện được.

Một ngày kia, trên đường đi, đoàn sứ giả cùng trạng Hít qua sông Trường giang mênh mông. Bất thần, trạng Hít ở trong kiệu bước ra đầu khoang, nhảy xuống sông. Bọn lính lao theo, vớt ngay lên được. Chẳng may, lúc trạng Hít lao xuống nước, va mặt vào cái bơi chèo, sút một bên cánh mũi, máu chảy lổa lợ.

Trạng Hít lóp ngóp ngồi lên sạp thuyền, rầu rĩ nói:

– Không phải tôi vấp chân kiệu ngã xuống sông đâu, mà tôi xuống nước hỏi vua Thủy về việc mất trộm. Các người chẳng biết gì cả, đã kéo tôi lên, làm cho mũi tôi đập vào mạn thuyền sút một cánh mũi thần mất hết thiên cơ rồi. Bấy lâu nhờ mũi thần mà tôi nghe được tiếng con chim trên trời, con cá dưới nước, biết mọi chuyện trần gian, chuyện thiên cơ, có thể mới hít được những cái không trông thấy. Bây giờ, tôi chẳng còn nghe biết gì nữa, mất phép thiêng rồi. Thôi, tôi chẳng đi sang gặp vua nữa.

Đoàn sứ giả nhốn nháo cả lên. Không biết thế nào, đi đón quan trạng mà không có quan trạng về thì cả quan cả lính chắc phải tội chết chém. Thế là mọi người cứ áp tải trạng Hít về kinh đô, đi đường canh gác cẩn mật.

Trạng Hít vào cung trình bày mọi nhẽ với vua nước Trung Quốc. Từ việc xuống hỏi vua Thủy đến khi bị vớt lên đụng vào mạn thuyền vỡ mất tinh mũi thiêng.

Vua Trung Quốc nghe thế, rất buồn, nhưng cũng bảo trạng Hít cứ đánh hơi thử xem sao. Trạng Hít ra sân quay bốn phía, ngẩng mặt lên hít. Rồi vào tàu với vua chẳng nghĩ thấy mùi vàng bạc ở đâu cả.

Vua Trung Quốc bấy giờ mới tin là thật.

Bèn lệnh cho người ngựa đưa trạng Hít trả về quê nước Nam. Lại bỏ ngục các sứ giả và bọn lính đi công cán mà làm hỏng việc.

## NÀNG XUÂN HƯƠNG

Ở tỉnh Đông có cô Xuân Hương, mồ côi cha, Xuân Hương ở với mẹ. Nhà thanh bạch chỉ có một khung cửa dật, mẹ con tần tảo. Bởi xưa kia cũng được cha cho ăn học, Xuân Hương vừa chăm làm vừa ham đọc sách, làm thơ.

Nhà Xuân Hương ở một xóm khuất nẻo trong làng. Là con gái đến thì, Xuân Hương có nhan sắc và nền nếp đã nhiều mỗi láo đánh tiếng, nhòm ngó, mẹ Xuân Hương còn phân vân chưa định thế nào.

Viên quan đầu tỉnh họ Tống có người con trai tên là Như Mai. Như Mai học giỏi nổi tiếng. Sáng sáng, Như Mai đến trường nghe bình văn, hôm ấy cùng đi với tiểu đồng. Qua đầu xóm, gặp Xuân Hương đeo dây lụa đi chợ.

Như Mai bảo tiểu đồng:

– Nghe tiếng con gái xứ Đông đẹp, song chưa thấy đâu có ai đẹp như cô nàng vừa gặp.

Từ đấy Như Mai đến trường thường có ý đi qua đầu xóm. Nhưng chẳng gặp cô gái đi chợ bán lụa lần nào nữa.

Như Mai đánh bạo hỏi tiểu đồng:

– Mà y thử đi dò la xem cái cô đeo dây lụa hôm trước nhà ở đâu.

Tiểu đồng về thưa: “Nàng tên là Xuân Hương, nhà ở trong xóm ven đường hôm trước gặp đấy”.

Như Mai hỏi ngẩn ngơ:

– Làm sao mà quen được nhỉ?

Tiểu đồng cười nói:

– Công tử dáng dấp thanh mảnh, mềm mại như con gái. Vậy thì nên thế này... thế này...

Thầy trò thì thảo to nhỏ một lúc. Nét mặt Như Mai khi đầu vể đăm chiêu rồi hớn hở dần.

Một hôm, có một cô gái chít khăn vuông, đội nón quai thao, váy áo nền nã, đến nhà Xuân Hương. Một nếp nhà tranh, bờ rào trúc, cái ao nhỏ trước mặt, trong nhà nghe thoãn thoắt tiếng đưa thoi, thoạt trông cũng biết nhà làm ăn mà nền nếp. Khách kể là con nhà quan trong tỉnh, đi với gia nhân ra chợ mua lụa, được mách là nhà ta có lụa tốt, đến xin được xem.

Mẹ Xuân Hương gọi con gái ra tiếp. Khách con nhà quan, mà nhã nhặn, ăn nói mềm mỏng, ý tứ. Xuân Hương có ý mến trọng ngay. Khách ra về, Xuân Hương nói:

– Thỉnh thoảng, mời tiểu thư đến chơi.

Người con gái nhà quan đi mua lụa ấy là chàng thư sinh Như Mai. Từ đấy, Như Mai hay đến nhà Xuân Hương. Hai người trở nên đôi bạn thân. Như Mai học giỏi, càng làm cho Xuân Hương quý mến. Như Mai cùng Xuân Hương xướng họa, đọc sách, làm thơ, ngoài những khi nàng canh cửi.

Hôm ấy Như Mai đến chơi, cùng Xuân Hương dạo ngoài vườn. Đến bên giậu trúc, Xuân Hương bước trượt chân, chẳng may ngã vào Như Mai, được Như Mai nhanh tay đỡ Xuân Hương khỏi tuột xuống ao.

Xuân Hương kêu lên:

– Tiểu thư thật nhanh tay, không thì em ngã xuống nước.

Lại âu yếm nói:

– Tiểu thư đẹp quá. Chị mà là con trai thì em phải lòng chị rồi.

Như Mai cười, trả lời ngay:

– Nhớ đã nói thế đấy nhé.

Xuân Hương cười ngặt nghẽo:

– Em nhớ rồi, em nhớ mãi chứ.

Mẹ Xuân Hương có việc về quê ngoại ăn giỗ, nhà nghỉ buổi cửi. Rồi việc Xuân Hương nhắc Như Mai đến chơi. Như Mai đến ngay. Nhưng Như

Mai không mặc giả gái như mọi khi. Mà hôm nay Như Mai là một trang phong lưu công tử, búi tóc chít khăn nhiễu, quần lụa trắng vân sa, áo the hoa, tay cầm cái quạt thước.

Như Mai bước vào trong cổng. Xuân Hương nhìn ra, thấy người lạ mà dáng dấp hình như quen quen. Xuân Hương rụt rè hỏi:

– Ông hỏi nhà ai?

Như Mai cười:

– Em nhắn chị tới chơi mà.

Xuân Hương nhìn miệng cười và nghe giọng nói, nhận ngay ra Như Mai. Xuân Hương bối rối không thốt được nên lời, lại hốt hoảng nhìn quanh nhà.

Như Mai nói:

– Xin nàng chớ sợ!

Nói rồi Như Mai kể lại đầu đuôi, từ cái lần hai thầy trò Như Mai gặp Xuân Hương đeo dây đi chợ bán lụa.

Rồi Như Mai thiết tha:

– Ta không có tà ý. Ta sẽ xin bố mẹ cho cưới nàng, hết như câu nàng ước hôm trước, nếu tiểu thư là trai...

Xuân Hương xấu hổ, thẹn đỏ mặt. Xuân Hương bồi hồi, e ấp:

– Tôi là con nhà thứ dân, không thể nên duyên với chàng dòng dõi thi thư.

– Ta thề cùng nàng trăm năm se tơ kết tóc...

Thế rồi ít lâu sau thân phụ Như Mai được đổi về làm quan ở kinh đô. Cả nhà Như Mai cùng đi theo. Hai người gặp nhau lần cuối, Như Mai với Xuân Hương đã thề dẫu cho đá nát vàng phai cũng không bao giờ thay lòng đổi dạ.

Năm năm qua.



Tống Như Mai ngày đêm mài mài kinh sử, đi thi đỗ đầu khóa. Trẻ tuổi mà tài cao, Như Mai được bổ làm chức khâm sai đi kinh lý các cõi. Như Mai có dịp trở về xứ Đông.

Lại nói về Xuân Hương mấy năm ấy. Vẫn có nhiều mối lái dò la, đánh tiếng.

Xuân Hương đều từ chối.

Từ lâu, Xuân Hương đã thú thật, kể với mẹ về mối tình éo le của Xuân Hương với Như Mai. Mẹ cũng thuận lòng và chiều con. Mọi xống áo và trang sức vàng bạc của Như Mai đưa tặng, Xuân Hương cất cả vào hòm. Ngày ngày, Xuân Hương váy áo nâu sống cùng mẹ chần tằm, dệt lụa đem ra chợ bán như mọi người trong vùng. Nhưng đêm đêm mong ngóng, nhớ thương người yêu ở nơi phương xa không có tin tức trở lại.

Một viên tri phủ mới đến trọng nhậm trong hạt. Quan phủ đi xem xét dân tình, vào qua chợ trông thấy Xuân Hương trong lều bán lụa. Quan phủ mê ngay người đẹp Xuân Hương. Quan phủ bắt chuyện, ngó ý muốn lấy Xuân Hương về làm thiếp. Nhưng Xuân Hương ra mặt cự tuyệt ngay.

Quan phủ nọ ngỡ qua nơi quán xá chợ búa, cô gái bình thường trong làng mà được về làm thiếp nhà quan không phải chuyện dễ, biết bao người ước mà chẳng được. Quan phủ nghĩ thế.

Một ngày kia, quan phủ cho người đưa mâm cau, hũ rượu và năm quan tiền đến nhà Xuân Hương, đặt đấy gọi là lễ vấn danh và nói ngày ấy... ngày ấy... thì có bà mối về đón nàng vào phủ.

Xuân Hương vứt mọi đồ sính lễ ra vườn, lại mắng mỏ thậm tệ. Rồi đẩy bọn người nhà quan ra, mẹ con đóng cổng lại.

Mấy hôm sau, lính phủ đến bắt Xuân Hương. Xuân Hương bị bỏ ngục, khép vào tội bội hôn, bị vu cho đã nhận lễ, nhận tiền cưới, nhận lời rồi nuốt lời.

Mẹ Xuân Hương sợ quá, đâm bệnh rồi qua đời. Trong nhà chẳng còn ai, xóm giềng phải lo đưa đám, chôn cất. Người cả vùng ta thán viên quan

độc ác. Nhưng quan phủ vẫn chưa nguôi dã tâm theo đuổi Xuân Hương. Quan phủ vào tận ngục, mở gông cho Xuân Hương, dỗ dành nếu Xuân Hương chịu về làm thiếp thì mọi tội được cởi bỏ hết.

Nhưng Xuân Hương chỉ một lời sỉ vả đến điều. Quan phủ nổi cơn lôi đình, quyết làm nhục Xuân Hương. Quan phủ đem vụ án ra xử. Xuân Hương phải chịu phạt năm mươi roi đòn giữa trưa ngày phiên chợ.

Khi ấy, cũng là dịp quan thanh tra Tống Như Mai đương trên đường kinh lý. Cái án Xuân Hương trong ngoài cõi sôi nổi bàn tán. Người thì bảo nghe nói Xuân Hương đã đem lòng yêu thương chờ đợi người học trò vào kinh thi, năm bảy năm nay chưa trở lại, biết người ta có chung thủy không mà cứ trông chờ thế. Có người cho là Xuân Hương đại, về làm thiếp nhà quan thì được ăn trắng mặc trơn một đời. Nhưng ai cũng ta oán lão quan phủ độc ác, cậy quyền đã đang tâm vùi dập tan nát cửa nhà người dân lành.

Giữa ngày phiên chợ, Xuân Hương phải giải ra chợ chịu đòn. Chợ đương đông, bọn quan phủ tưởng là đông người xem xử án, nhưng ai cũng chỉ đứng đằng xa không nỡ vào nhìn cảnh thương tâm.

Các quan trong phủ đã tề tựu, lính tráng đeo gươm đứng dàn hàng ngang oai vệ.

Xuân Hương bị dẫn tới giữa bãi. Bọn lính tháo gông cổ, đẩy Xuân Hương đến trước một ván gỗ. Các bộ roi song, roi tre đã được vác đến. Tiếng cồng thi hành án bắt đầu nổi lên rùng rợn.

Giữa lúc ấy, ở ngoài tiến vào một hàng quân triều đình đội nón chóp, khoa đại đao dẹp đường rầm rập đến giữa bãi chợ. Lá cờ kỳ rước tấm bảng sơn then khắc chữ thếp vàng: Quan Khâm sai.

Khâm sai Tống đại nhân bước xuống ngựa. Viên phủ sở tại đã biết tin quan khâm sai từ kinh đô về các tỉnh ngoài, nhưng chưa nhận được tờ sức ngài đến xứ Đông, không ngờ ngài lại bất thần tới ngay.

Các quan trong phủ ra nghênh đón, rước Tống đại nhân lên ngôi trên án giữa công đường. Trong cảnh uy nghiêm im phăng phắc, một viên quan

trong đoàn tùy tùng quan khâm sai cầm loa bước ra, hướng về phía pháp trường:

– Bớ hàng các quan! Bớ làng trên chạ dưới trong phủ! Cái án này quan khâm sai đã biết tường tận mọi nhẽ. Xuân Hương không có tội. Cái đũa đặt điều ra vụ án này chính là viên tri phủ. Khâm sai Tổng đại nhân hạ lệnh tháo cùm tha bổng phạm nhân Xuân Hương. Khâm sai Tổng đại nhân ra lệnh hạ ngục ngay tên tri phủ phạm trọng tội.

Viên tri phủ bị đóng gông, giải đi. Đám đông xung quanh bốn phía reo hò như mở cờ.

Xuân Hương ngẩng mặt nhìn lên. Quan khâm sai chính là Như Mai. Xuân Hương ngã xuống, ngất đi.

Mùa thu năm ấy, đoạn tang mẹ, đám cưới Xuân Hương – Như Mai nổi tiếng khắp vùng.

## HAI NHÀ SƯ CHẾT OAN

Có một người đi kiếm mật ong, suốt ngày tay xách cái giỏ, cầm một cây sào hóp đá lang thang trên đồi, trong rừng tìm miếng ăn giữa trời đất vu vơ. Nghe tiếng vù vù, trông lên thấy ong đậu thành đám như bóng mây. Trên cành đề kia có tổ ong mật to bằng cái thúng.

Người ấy buộc mồi rơm, đánh lửa, núp vào gốc cây giơ cái sào, bùi nhùi ngùn ngụt bốc lửa hơ dưới tổ ong. Ong lúc nhúc trước cửa tổ, lửa khói hun khét lẹt, cả đàn bay ra cháy cánh rơi lả tả. Trong chốc lát, ong đã tàn mác, tan tác hết.

Người leo lên ung dung gỡ tổ ong óng ánh toàn mật. Tổ ong to, nặng bằng cả thúng gạo; phải đặt ghé vào thành giỏ, ôm lên ngực mới khỏi tuột. Nhưng hai tay ôm tổ ong, không thể quay mình trèo xuống được.

Đành ngồi khư khư giữa cái chạc ba trên cây đề.

Đằng xa có con voi lừng lững đi tới. Trên lưng một người nài voi ngồi ngất ngưỡng. Mừng quá, anh gọi to:

– Nài ơi nài, đỡ tao xuống được thì tao chia mật ong cho.

Người nài voi ngẩng mặt nhìn rồi nói:

– Bác men ra đầu cành, buông hai chân xuống. Tôi đứng trên lưng voi, tôi đỡ bác.

Người nài voi thúc gót chân giục voi bước tới rồi đứng giơ hai tay lên phía người đang ôm tổ ong loay hoay nắm cành để thả hai chân xuống, trong khi người nài kiễng lên, giơ tay đỡ.

Chẳng may, lúc chân người nài thúc lưng voi, người trên cây buông mình xuống nặng như tảng đá, voi tưởng người giục đi mau. Thế là voi ve vảy đuôi, bước luôn, bỏ lại hai người nối nhau bấu cành đề, treo lơ lửng giữa khoảng không.

Người nài bị hăng chân, bảo người kiếm mật ong lũng lảng ở trên:

– Không được buông! Buông thì chết cả!

Hai người cứ nhùng nhãng, kêu khóc om lên.

Có hai nhà sư ở ngoài chùa về qua. Hai người bị treo trên cây gào to:

– Nhà chùa cứu tôi! Xin nhà chùa cứu tôi!

Hai nhà sư đứng lại, nhìn lên rồi bảo hai người đương nguy khốn: “Cứ yên đây, ta cứu cho!” Rồi lấy tấm vải bọc sách kinh trải ra, lại cởi hai cái áo dài, độn thêm thắt nút lại vừa cầm tay vừa buộc vào cổ hai người cho chắc. Sau đó, mỗi nhà sư cầm một góc căng ra hứng tấm vải dưới chỗ hai người.

Người đeo tổ ong buông tay. Hai người như hai cái cối đá rơi, tấm vải hõm sâu xuống, vít đầu hai nhà sư đập cộp vào nhau. Hai nhà sư ngã ra, chết ngay. Hỡi ôi, cái chết chỉ vì thương người.

Người nài voi và người kiếm tổ ong sợ quá, bỏ chạy.

Ở ngã ba đường đầu cửa rừng cạnh cây đề có một quán hàng cơm. Mụ chủ quán ấy keo kiệt, hung ác, vừa bán cơm vừa là kẻ cướp. Nhiều khi, chập tối có đám lái buôn vào trọ, sáng hôm sau chẳng thấy ai gánh gồng đi ra. Không biết người mất của đã trốn được hay đã bị giết. Quán vắng, chỉ có khách xa nhờ độ đường không thuộc thung thỏ mới ghé lại mà thôi.

Mụ quán đi đâu về, thấy hai nhà sư nằm chết ở gốc đề. Tai ách bỗng dựng quàng vào cổ thế này, các quan nha hương chức mà biết thì gông đóng lên đầu đến nơi rồi.

Mụ quán vội vã kéo xác hai nhà sư vào trong bụi lau, thế nào thì rồi liệu sau. Vừa hay, một người lù lù đến. Mụ hốt hoảng tưởng lính tráng đã tới. Nhưng không phải, đấy là ông lão sãi hầu hạ ngoài chùa.

Ông sãi ở ngoài chùa, đi tìm hai nhà sư hay là đi đâu. Không xong rồi. Phải gọi lão này vào, nghe ngóng đã. Lão sãi vào quán kêu rét quá, rét quá.

Mụ quán đoán lão đi chẳng có việc gì, lão đi kiếm cái ăn, cái uống. Lão đói. Mụ rót ra bát rượu, bảo lão uống cho ấm bụng, rồi nói:

– Tôi có đứa cháu bầm sinh đau yếu, phải cho cháu đi hầu phật ở chùa bên Bắc từ thuở nhỏ, mong được tai qua nạn khỏi, thế mà chẳng may hôm qua về chơi nhà thì cháu phải cái cảm gió, cháu chết. Tôi già cả chẳng biết làm thế nào bây giờ. Thật cơ khổ!

Ông sãi xưa nay hầu hạ chùa chiền, thạo mọi việc xốc vác chân tay thổ mộc. Ông bảo:

– Nào khó gì, biện cho bữa rượu thì xong ngay. Mượn cái thùng, chập tối tôi ra, tôi đem chôn cho.

– Phúc đức quá, nhờ ông.

Sâm sẫm tối, ông sãi đến. Mụ quán đã bó chiếu, để một cái xác ngoài đầu nhà. Ông lão sờ tay vào cái đầu trọc lạnh như hòn đá, đúng là người chết, ông vác lên vai rồi xách thùng bước ra. Đến lúc trở về, thấy mụ quán ngoài bậc cửa, mụ rầu rĩ nói:

– Ông ơi! Cháu nó chết trẻ, thiêng lắm, hồn nó còn vương víu thương nhớ cửa nhà, khó đi được ngay. Ông vừa chôn nó thì nó lại lộn về nằm ngay trên giường ở trong kia kìa. Tôi phải bỏ lại, nhờ ông.

Ông lão đụng vào bó chiếu lại mò thấy cái đầu lạnh toát như cái xác lúc này.

Ông sãi lẩm bầm:

– Nửa đêm rồi, nhọc quá. Tôi đói lắm.

Mụ quán năn nỉ:

– Tôi đã soạn mâm rượu trong kia. Ông uống tạm một bát, đến lúc về thì tôi xin chu tất cả bữa chén, với năm quan tiền.

Ông lão uống bát rượu rồi khênh cái xác bó chiếu đi. Lần này, đi xa, ông đào hố thật sâu rồi nện kỹ đất. Ông vừa làm vừa nói: “Đỡ mày ngóc lên được nữa đấy.”

Xong xuôi, ông sãi bụng đói còn cào vừa đi về vừa tưởng đến mâm rượu bà lão đã sắp sẵn ở quán. Chắc là no say rồi thì trời vừa sáng.

Nhưng cái mụ quán keo kiệt vắt cổ chày ra nước này đã định bụng khoanh tính, mụ nghĩ: nốc hai bát hết nửa vò rượu của tao, mày đi chôn người hai lần, thế là đủ công rồi. Lại còn mè nheo thế nào nữa!

Mụ quán quyết đuổi lão sãi.

Mụ ra ngoài ngã ba, chỗ bờ sông rẽ vào. Mụ trùm vuông vải lanh trắng lên đầu rồi ngồi xuống. Trong bóng đêm, mụ giả làm con ma vừa bị chôn đã lại về đến đây. Lão sãi tất phải khiếp vía, lão chạy thẳng không dám vào quán để phải đi chôn lần nữa.

Quả là lão sãi càng đói lử lả, bước xiêu vẹo. Mắt nhấp nhèm quáng gà, lão đi mò mò. Bỗng thấy cái bóng trắng lù lù bên bờ sông. Lão đứng sững. Lão cũng đủ tỉnh, lão nghĩ ngay đến con ma vừa chôn chắc lại chui lên, lộn về đến đây. Ồi giờ ôi, lại mày, lại mày...

– Con ma báo ác kia, ông đã khốn khổ cả đêm vì mày. Mày có thương bà mày thì mày cũng phải biết cái công ông khó nhọc bao nhiêu vì mày chứ. Ma ơi! Mày không đủ sức làm hại ông được. Lần này thì ông tống mày ra bể Đông với thần Hà Bá, mày không còn đường nào về được đây nữa đâu!

Ông sãi phăm phăm đi tới, giơ chân đạp phốc một cái cả cái bóng trắng mờ mờ tung xuống sông. Một tiếng hú khủng khiếp xé tai dội lên.

Ông sãi lâm nhâm nói: “Ma kêu! Ma kêu!”, rồi ông đi qua gốc đề vào quán. Trong nhà tối om, gọi mãi chẳng thấy có người thưa.

## ĐỘNG TỪ THỨC

Vào đời Trần, ở châu Ái, có một chàng trai tên là Từ Thức. Hai mươi tuổi, thi đỗ, được bổ làm tri huyện một vùng ven biển.

Từ Thức làm quan, nhưng chẳng ham việc lại ham thơ phú và hay đi thăm các danh lam thắng cảnh hầu khắp nơi trong cõi.

Ở trong vùng có một ngôi chùa cổ, vườn chùa trồng hoa mẫu đơn. Mỗi năm vào tháng giêng, hoa mẫu đơn nở hồng rực, cũng là kỳ hội chùa khách thập phương nơi nơi về xem hoa và lễ Phật. Bởi thế, hội chùa cũng có tên là “hội hoa mẫu đơn”.

Tháng giêng năm ấy, đương giữa hội hoa, Từ Thức đến văn cảnh. Quan huyện ăn mặc như một chàng trai làng trảy hội, quan đi một mình, không lính hầu, không có ngựa có võng theo.

Chùa này vốn có lệ cấm ngặt vào vườn xem hoa và ai ngắt hoa hay làm gãy cây thì phải phạt vạ.

Có một cô gái đã trèo vào vườn hoa. Mải mê ngắm hoa, cô đến bên cây, nâng đóa mẫu đơn lên. Chẳng may hoa gãy cuống, rơi xuống đất.

Thế là cô gái bị bắt vạ. Cô không có một đồng kẽm trong thắt lưng, bộn tuần tráng trong làng trói hai tay cô gái vào gốc cây đại.

Từ Thức vào qua tam quan chùa nhìn thấy cô gái xiêm áo lụa là bị trói trong gốc cây, nước mắt chứa chan trên khuôn mặt hoa. Từ Thức nổi giận toan sai người đi bắt bọn côn đồ nào dám hành hạ dân lành – nhất là một cô gái đẹp nhường kia. Nhưng chợt nhớ quan huyện đi không cưỡi ngựa, không có cờ, bồng. Từ Thức dẹp cơn nóng, bước tới xin làng tha cho cô gái.

Tuần làng nói:

– Lệ phạt vạ đã được đặt ra từ đời trước, không dám thay đổi. Bao giờ có hai quan tiền nộp thì mới được tha.



Trong túi Từ Thức cũng không có một đồng một chữ. Từ Thức liền cởi tấm áo lương mới đang mặc ném cho bọn tuần canh.

Cô gái được cởi trói bước ra khỏi gốc cây đại.

Từ Thức hỏi:

– Nhà ở đâu?

Cô gái đáp:

– Thiếp quê ngoài châu Ái.

– Thế là đồng hương với tôi.

Nàng hẹn có dịp mời chàng đến chơi nhà để được tạ ơn. Nhưng lúc chia tay bối rối Từ Thức quên hỏi ở làng nào. Đến khi nhớ ra thì bóng hồng đã khuất vào cánh rừng bên kia suối.

Từ Thức làm quan huyện ấy được hơn một năm. Rồi vì tính ngang tàng, phóng khoáng, chàng thường không chịu sự đê nén của quan trên. Một lần, vì để bê trễ vụ thuế, Từ Thức bị quan tỉnh gọi lên quở trách.

Từ Thức than:

– Ta há vì lương bổng mấy học thóc mà phải chịu nước đời lép vế đến thế ru.

Rồi cởi ả tin, treo lên cột công đường, Từ Thức bỏ đi.

Từ Thức về quê lạy bố mẹ xin được ở nhà làm ruộng.

Nhưng chẳng bao lâu, bước chân đã quen đây đó không chịu ở yên một chỗ, vả chăng chàng vẫn nhớ người đẹp châu Ái năm trước đã gặp trong cảnh éo le ở hội xem hoa.

Từ Thức cất công đi khắp châu Ái, nhưng bóng chim tăm cá, biết tìm đâu. Một hôm, Từ Thức ra một hòn núi nổi tiếng hùng vĩ trước cửa bể Thần Phù. Chẳng phải ngoa truyền, hòn núi nguy nga như tòa sen ngồi trên mặt nước. Từ Thức men sườn đá, đến một cửa động lớn.

Bước vào hang thấy trong là rừng quăng chỗ bóng mù mịt, chỗ chói lòa sáng nắng. Không biết đi trong bờ đá đã bao lâu, ánh chùng đã tới lưng núi.

Trông lên thấy một tòa lâu đài trắng lệt bên kia dòng suối nước tuôn như thác bạc.

Từ Thức bước lên những bậc thềm đá. Một bà tiên váy áo lụa bạch như con hạc trắng bước ra. Bà tiên nói:

– Đợi người đã lâu lắm rồi. Đây là cửa vào trong động. Chàng có thấy cảnh trên tiên khác dưới trần gian không?

Từ Thức gật đầu. Thì bà tiên lại nói:

– Nhưng khoan hãy dạo xem phong cảnh. Mời chàng gặp cố nhân.

Lát sau, một cô tiên từ trong vách đá bước tới, mỉm cười cúi chào. Mặc dầu xiêm y cực kỳ diễm lệ, nhưng Từ Thức nhận ra ngay đấy là cô gái đã làm rơi đóa mẫu đơn ở chùa hội hoa năm trước.

Chàng mừng rỡ, thốt lên:

– Tôi đã tìm nàng khắp chốn mà không thấy. Chẳng ngờ gặp ở đây.

Bà tiên chúa động nói:

– Ở cõi tiên đã biết chuyện kỳ ngộ của hai người. Cho nên mới có run rủi hôm nay, âu cũng là duyên trời.

Thấm thoát, chẳng bao lâu, Từ Thức ở cõi tiên đã được ngoài ba năm. Từ Thức và Giáng Hương, vợ chồng ngao du khắp các núi và hang động, hết mùa mưa rào sang kỳ gió bắc thổi.

Một hôm, Từ Thức nói:

– Tôi xa cha mẹ đã lâu, nay muốn về thăm quê một chuyến.

Giáng Hương bùi ngùi:

– Đường trần với cõi tiên cách biệt lắm, chàng về biết có còn bao giờ gặp nhau.

Nhưng Từ Thức đêm ngày khắc khoải tình quê, Giáng Hương phải chiều lòng.

Một chiếc xe mây đã kề trước cửa động. Chàng hẹn với nàng rằng chàng về thăm cha mẹ, chàng thưa chuyện duyên trời tiền định bấy lâu để cha mẹ yên lòng, rồi chàng trở lại.

Xe mây trên trời hạ xuống bến sông đầu làng, nơi mà thuở nhỏ Từ Thức hàng ngày đi chăn trâu vẫn xuống tắm.

Có mấy người phường chài cỡi trần vác lưới dưới sông lên. Từ Thức hỏi nhà cũ, hỏi tên bố mẹ, không một ai biết. Trong xóm, mấy cụ già nghe có người lạ đến hỏi chuyện ngày trước thì chống gậy ra. Từ Thức xưng tên mình, một cụ ngẫm nghĩ một lúc rồi nhớ dần ra:

– Thuở còn nhỏ, đã nghe kể có cụ tổ năm đời tên là Từ Thức, cụ làm tri huyện rồi từ quan về làng, một hôm đi chơi trên núi ngã vào hang ngoài cửa bể Thần Phú, chết mất tích.

Bấy giờ Từ Thức mới thấm thía lời Giáng Hương. Đường trần với cõi tiên xa cách lắm.

Từ Thức trở lại nơi xe mây đậu nhưng chỉ thấy bãi cát chơ vơ, không cả vết bánh xe.

Từ Thức ra cửa Thần Phú. Quả núi vẫn nguy nga như tòa sen ngồi trên mặt nước. Nhưng tìm bốn phía không thấy phía nào có cửa hang vào động.

Về sau, người đời vẫn kể chỗ ấy là động Từ Thức, nhưng chưa bao giờ tìm được cửa vào hang.

## VỢ CHÀNG TRƯƠNG

Cô gái tên là Thiết, lấy chồng là Trương Sinh người cùng làng. Vợ chồng lấy nhau chưa được bao lâu thì phải lúc nhà vua bắt lính. Trương Sinh đi lính lên mạn ngược. Chẳng thời hạn nào, không biết bao nhiêu năm, cũng không rõ bao giờ được về.

*Thùng thùng trống đánh ngũ liên*

*Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa*

Nàng Thiết đương có thai. Lúc chia tay, Trương Sinh nói:

– Mình ở nhà nuôi mẹ. Để con trai thì đặt tên là thằng Đản.

Rồi Trương Sinh ra đi.

Nàng Thiết ở nhà cố gắng mọi điều như lời chồng dặn. Nhà làm ruộng lại dặt vải bán chợ. Nhưng rồi mẹ già đến cỗi, chẳng bao lâu thì mất.

Nàng Thiết sinh con trai, đặt tên là Đản. Thằng bé ngộ nghĩnh, hay ăn chóng lớn. Nàng Thiết ra sức trông con, lại vùi đầu vào con thoi, cày cuốc và cái khung cửi. Làng xóm đều khen là đảm lược.

Từ khi Trương Sinh đi, chẳng có tin tức về. Ngày ngày mòn mỏi trông chờ. Buổi tối, cơm nước xong, nàng Thiết châm đèn. Có hôm dọn dẹp nhà cửa, có hôm khâu vá, có hôm quay tơ, đôi khi hai mẹ con đùa giỡn bên ánh đèn.

Con khóc, nàng Thiết chỉ vào bóng nàng in trên vách, nói:

– Nín đi, nín đi. Kìa bố về. Đấy! Đấy!

Đứa trẻ nhìn cái bóng rồi im bật, tan cơn hờn.

Có tối, Đản nhìn bóng mẹ trên vách, reo lên:

– Bố về. Đấy! Đấy!

Như thế thành thói quen mỗi tối Đản lại đòi trông thấy bố về rồi mới chịu ngủ. Đêm hôm, cái bóng trên vách làm mẹ khuây khỏa, như người thân thích với hai mẹ con.

Mấy năm qua, Trương Sinh đã hết hạn lính, được trở về.

Chàng buồn vì mẹ già đã khuất núi. Nhưng lại mừng được đưa con trai kháu khỉnh. Bố đi từ khi mẹ chưa sinh Đản, cho nên chẳng mỗi chốc mà Đản đã có thể quen ngay bố được. Hôm ấy, mẹ bận đi cấy. Mẹ Đản dặn Đản ở nhà đi thăm mộ bà với bố. Nhưng mẹ ra ngoài ruộng rồi, bố dỗi mãi Đản vẫn phụng phịu không chịu đi với bố. Đản khóc:

Bố bảo:

– Con đừng khóc, bố yêu. Mai ngày phiên, bố đi chợ mua quà bánh đa về cho con.

Đản mếu máo nói:

– Không... không phải bố Đản... Bố Đản khác kia...

Trương Sinh nghe con nói mà choáng người. Trương Sinh lại hỏi:

– Thế bố Đản thế nào?

– Bố Đản đến tối mới về.

Câu nói tự nhiên của đứa trẻ làm cho Trương Sinh ghen ngào lên đến cổ, nghiến răng:

– Trời ơi! Trời ơi!

Thằng bé sợ quá chạy vào xó cửa. Trương Sinh thì nằm dài ngay ra mặt đất đầu nhà.

Xế trưa, nàng Thiết ở ngoài đồng về, rửa chân dưới cầu ao rồi lên nhà.

Trương Sinh ngồi bật dậy, chỉ vào mặt, quát:

– Mà là đứa ăn ở hai lòng. Mẹ chết, chồng đi vắng, tối tối mà rước trai về nhà.

Nàng Thiết một mực cãi:

– Tôi chẳng bao giờ hư thân mất nết như chàng nói. Xin đừng ngờ oan.

Nàng Thiết van lạy phân trần bao nhiêu thì cơn giận, cơn đau của Trương Sinh càng sôi lên. Trương Sinh vớ lấy cái đòn gánh đánh vợ. Nàng Thiết uất ức quá, không khóc được nữa, cứ đứng chịu đòn như cây trời trồng. Trương Sinh tức đưa ra gan, lại đánh.

Các nhà hàng xóm thấy vợ chồng đánh nhau, kéo tới can. Người chồng càng nổi lôi đình. Lại đồ là vợ khéo béo lẻo mồm mép, được lòng mọi người, người ta giấu tội cho. Ai khuyên ngăn thế nào cũng không nghe. Đã thế, trước còn chửi bóng gió rồi chửi thẳng những đứa bênh con đi. Mọi người tức giận, bỏ về cả.

Trương Sinh ném con dao chọc tiết lợn ra đầu hè. Rồi nói: “Tao nói cho mà biết, phen này mày chỉ còn cái chết thôi.”

Trương Sinh chạy đi mua rượu. Nàng Thiết ôm con ngồi khóc, bấy giờ nàng Thiết mới khóc, khóc thảm thiết.

Trương Sinh tu hết be rượu, đứng phắt dậy, cầm con dao lão đảo ra. Đi được mấy bước, chới với ngã gục.

Nàng Thiết buông thẳng con xuống rồi cứ đầu tóc rũ rượi thế, chạy ra sông Hoàng.

Đến lúc Trương Sinh ngồi dậy, không thấy vợ đâu. Nghe tiếng chân chạy, tiếng kêu lao xao ngoài ngõ. Có người trẫm mình, làng nước ơi! Cái nhà mẹ Thiết đâm đầu xuống sông rồi, làng nước ơi!

Trương Sinh hoảng hốt chạy ra. Chỉ thấy nước sông Hoàng chảy cuồn cuộn.

Tối đến, thằng Đản khóc gọi mẹ. Trương Sinh thắp đèn lên, ngồi dỗ con. Trông thấy bóng bố trên vách, Đản cười to:

– Bố Đản về kia kìa! Bố Đản về kìa! Đấy, đấy! Đi ngủ đi!

Trương Sinh hốt hải:

– Đâu, đâu con?

Đán chỉ vào cái bóng chập chờn trên vách, lại reo cười:

– Đấy! Đấy!

Trương Sinh ôm con, Trương Sinh ngất đi. Ôi thôi, còn làm thế nào được nữa!

Ngày ngày, bố công con ra bờ sông, đứng ngóng theo dòng nước sông Hoàng chảy.

Suốt đời, Trương Sinh đã ở vậy nuôi con.

Người làng dựng một cái miếu thờ nàng Thiết ở bờ sông. Không biết có ý mỉa mai, hay là nhắc nhở thế nào, ai qua lại cũng quen gọi là miếu vợ chàng Trương.

## TRA TẤN HÒN ĐÁ

Đến dịp Tết cả, mọi nhà đều đi chợ sắm sửa. Cũng là đi chợ, nhưng mỗi nhà một nhẽ, mỗi người một cảnh. Nhà có thì đi phiên chợ sớm, nhà nghèo thì phải đến phiên áp Tết chạy được đồng tiền cầm tay, mới nháo nhào đi.

Nhà này cũng quanh năm túng bấn như mọi nhà trong xóm. Cuối năm, chồng giặt công non sang giêng đi cày, vợ lấy trước tiền đặt cọc được vài đồng. Thế là Tết đến nơi mới tất tả đến chợ.

Mẹ đi chợ, ở nhà mấy bố con mới chắc là có Tết, bấy giờ mới quét bồ hóng trên bàn thờ, lau cái bình hương, lại cọ cả niêu, nồi đất rồi múc sẵn chính nước lên bếp – chẳng biết để làm gì. Bố ra bờ rào chặt một cành tre đem về cắm trước cửa đợi mẹ mua chuông khánh về treo. Cành tre gió lay phơ phất trẻ con đã ngỡ như nghe tiếng những con cá đất nung lắc lư reo leng keng vui tai.

Ở chợ Tết ra, mẹ đã mua các thứ bỏ vào chiếc thúng cái đội trên đầu. Cái Tết của cả nhà nằm trong thúng. Thôi thì đậu gạo, cái chân giò, một ống mật, một ống rượu..., lại bó hương đen, mấy cái chuông cái khánh, tờ tranh tiền.

Đi một thôi đường về qua một cái suối. Mùa cạn, nước chỉ xăm xấp trên cát, người bước chuyền mây hòn đá. Có một mình mẹ đi qua suối. Tảng đá trơn, trượt chân một cái, mẹ ngã sòng soài xuống nước. Thúng đổ ụp, văng đi, trôi băng xuống hũm thác, cái thúng chìm nghim mất trong thác nước.

Hai bên bờ bụi rậm, nước xoáy cuồn cuộn, không thể đuổi theo vớt được một mảy. Mụ ngồi ngay trong dòng nước, chẳng buồn đứng lên, khóc thảm thiết.



Quan huyện đi kinh lý cuối năm về qua. Người ngựa dừng lại, quan huyện bước đến, hỏi vì sao mà khóc. Người đàn bà mếu máo kể quan huyện nghe nông nổi.

Rồi nói:

– Tôi không sợ bị chồng đánh, bị nghe con khóc. Tôi chỉ thương cái thân tôi, không biết còn khổ đến bao giờ?

Quan huyện trông người đàn bà rũ rượi, nói:

– Cứ như lời nhà mù khai thì tảng đá kia chính là kẻ phạm tội. Hòn đá hay con chim, con hươu, con hổ ở chín châu mười mường trong cõi đều phải trị tội. Ta sẽ bắt hòn đá phải đền cái Tết nhà mù.

Quan huyện chỉ hòn đá, ra lệnh:

– Lính đâu, giải bị cáo về công đường.

Bọn lính nghe lệnh quan đều ngơ ngác. Giải hòn đá này về huyện? Làm thế nào? Một người lính không biết thế nào, lấy cái gậy đập tảng đá. Tảng đá không nhúc nhích, nằm yên giữa dòng nước chảy quanh.

Quan huyện bảo bọn lính nện tảng đá, khiêng về huyện.

Cái tin quan huyện xử tội tảng đá làm một người trượt chân đổ cả thúng các thứ sấm Tết xuống suối đã dậy lên khắp huyện. Tò mò, ai cũng đến xem quan lên án hòn đá thế nào.

Một chiếc nong được đặt chiếc cửa công đường. Muốn xem quan xử kiện thì bỏ vào nong một tiền. Một đồng kẽm chẳng đáng bao, cả trăm mấy trăm con người kéo vào đông nghịt trong sân huyện.

Trước công đường, lính dàn hàng ngang, cầm dao, đội nón thật oai nghiêm.

Phía phòng trong đương có cuộc tra tấn. Tiếng roi quật đen đét, tiếng quát tháo. Nhưng không nghe người bị đòn kêu khóc, van lạy, cái tên bị cáo này gan quá. Lại có người nói: hay là hòn đá đương bị tra khảo, hòn đá gan lì chẳng nói gì cả. Lại có người reo lên: đấy, đấy, đá nói đấy, nó đương vừa

khóc vừa nói... chẳng ai đoán ra làm sao cả. Càng nhiều người nô nức vào xem. Nong tiền đã đầy có ngọn, rơi cả ra ngoài. Quan huyện đã cho bày thêm cái nia, mà cũng đã lù lù lên một đồng những đồng tiền kẽm.

Công đường mở toang hai cánh cửa. Quan huyện ra ngồi nghiêm, sau lưng có lính hầu đứng cầm cái quạt lông. Các đồ tra tấn roi song, trượng gỗ, thanh long đao đem ra treo khắp một bên vách, trông ghê cả mắt. Người đàn bà nạn nhân ngồi bệt dưới đất. Hòn đá đã được khiêng ra để lăn chiêng ngoài bãi cỏ, như con trâu, như người quì lạy. Ấy là ta tưởng ra thế chứ hòn đá vẫn diêm nhiên, ù lỳ như đá ở dưới suối.

Quan huyện đồng dặc nói:

– Người đàn bà đã khai và các chứng cứ đã có thì tội tên này đã rành rành, chỉ vì người ta vấp vào nó mới ngã xuống suối, đầu gối còn sưng tấy lên kia. Bản chức đã xử bắt bị cáo phải bồi thường cho người bị hại. Nhưng xét nhân thân hòn đá sinh sống chơ vơ giữa con suối, không có tiền bạc đâu mà đền được.

Quan huyện nhìn ra đám đông những người vào xem xử kiện, nói to:

– Các người đến đây chắc là vì thương hại kẻ nghèo đói, mà năm hết Tết đến lại gặp hạn, cho nên mỗi người đã cho một tiền. Thế thì trong cái nia, cái nong ngoài kia được bao nhiêu tiền đều cho nhà mù này. Còn tên hòn đá tội nhân thì đánh mười roi rồi quăng về chỗ suối nó nằm.

Mọi người đều biết thế là quan huyện làm cách giúp người khốn đốn, ai nấy ra về vui vẻ, khen quan xử khéo.

Chỉ có bọn lính thì khó nhọc phải đánh hòn đá vẫn trơ ra, mỗi ngọn roi quạt xuống, những người đi xem kiện lại reo lên: “Đau quá, đau quá” rồi cười vang. Rồi một toán lính đặt tảng đá vào hai dóng chảo khiêng đi bỏ xuống quăng suối ấy.

Quan huyện tinh ý đã lấy tiền ở nong, chia cho mỗi lính năm quan, thế là mỗi người đều được cái Tết.

Người đàn bà ở huyện ra được mấy người tốt bụng đưa vào chợ. Ngày chợ ba mươi Tết, mua vét các thứ, nhưng có tiền hơn nên thứ nào cũng mua nhiều gấp đôi gấp ba hôm trước. Đã hai chân giò lại thêm con gà, một hũ rượu, bó hương đen, gạo nếp gạo tẻ. Trẻ con được bộ chuông khánh treo cây nêu, lại cả tranh tiền và pháo chuột.

Một cái thúng không đủ chỗ, mẹ sắm cái thúng nữa rồi đeo chiếc đòn gánh, quay về. Lúc qua suối, mẹ đổ gánh, lấy ra ba nén hương đen thắp đặt lên tảng đá rồi chắp tay vái.

– Đá ơi! Đừng oán tao nhé.

## VUA HEO

Có một đứa trẻ không biết ở đâu lạc đến rồi quanh quẩn ở lại trong làng. Ai cũng gọi nó là thằng Heo rồi thành tên. Bởi vì quanh năm Heo làm quần quật cả ngày, Heo đóng cái khố đơn, cởi trần, mình Heo như vùi trong cát, trong bùn. Heo chăm làm, nhà nào cũng gọi việc.

Một ngày kia, Heo được vào làm cho nhà quan phủ. Heo nhanh nhẹn, tháo vát, người quản gia cắt cho việc Heo hầu quan. Bữa ấy, quan phủ cưỡi ngựa đi coi đê về. Heo múc một thau nước mưa ngoài vại vào rửa chân cho quan. Quan ngồi trên ghế, Heo quì xuống té nước cọ chân.

Quan bảo Heo:

– Ba cái nốt ruồi đỏ ở sau bàn chân tao là quý tướng. Nhẹ tay kỳ, đừng nhờ cào xước ra thì cả họ nhà mày phải đóng gông ngồi trong ngục đấy.

Heo nghĩ bụng: “Ông chỉ có ba nốt ruồi đỏ chứ gì”. Rồi Heo nói:

– Bẩm quan, ba nốt ruồi của quan chưa lấy gì làm nhiều. Tôi có chín nốt ruồi đỏ đằng sau lưng đây này.

Quan cầm cái gáo nước đổ vào lưng Heo, bụi cát lở ra, quả nhiên nhìn thấy chín cái nốt ruồi đỏ mọc một chuỗi dọc sống lưng Heo. Quan phủ giật mình: “Thằng này có đến chín nốt ruồi đỏ, ngày sau nó làm vua chắc? Thằng lợn này mà làm vua thì bằng con chó lên năm giường, thiên hạ đi bằng tay chứ không được đi bằng chân nữa, phải giết nó mới được”.

Quan phủ đưa cho đầy tớ gái một gói thuốc bột:

– Mày rắc cái bột này vào bát cơm thằng Heo. Không được bép xép với ai, không được nói cho thằng Heo biết.

Người tớ hầu gái cầm gói bột, đoán là thuốc chết. Nghĩ thương Heo quá. Đã nghe nói ở nhà này từ năm trước, ai mà bị quan ghét, quan cho ăn thuốc độc. Nhiều người đã chết như thế. Gái mà không rắc thuốc vào bát

cơm của Heo thì Gái cũng phải chết. Thế là Gái rắc thuốc vào bát cơm rồi đến bữa, gọi Heo về ăn.

Heo vào nhà bếp, người tớ Gái đã ra ngoài chuồng lợn, nhưng trong bụng vẫn thương Heo quá, Gái gõ vào cái máng cho lợn, Gái nói to một câu lạ tai:

– Heo ăn thì heo chết, heo không ăn thì heo cũng chết.

Cô gái làm nhảm kể đi kể lại câu nói ngô nghê ấy. Heo nghe thấy, không hiểu cô gái bảo con heo trong chuồng như thế là ý nghĩa thế nào. Heo đã cầm bát cơm lên, nhưng chưa ăn, Heo ra hỏi Gái:

– Cái gì mà cứ hò hát như người điên thế?

Cô gái kéo Heo ra sau vườn, nói:

– Trong bát cơm có thuốc độc. Anh trốn ngay đi, không có thì quan giết đấy.

Heo nói:

– Tôi xin đội ơn người đã cứu tôi. Tôi đi bây giờ đây, nhưng sau này có khi còn gặp lại ân nhân, bây giờ làm thế nào mà nhận được nhau?

Cô gái nói:

– Em búi tóc lên đỉnh đầu từ hôm nay cho đến khi nào gặp lại nhau.

Rồi Gái búi tóc lên giữa đỉnh đầu, như phong tục trong vùng ai có chồng thì búi tóc như thế.

Heo ra khỏi nhà quan phủ, chạy liên mấy ngày đường, Heo đi thật xa. Heo vào làng, đến ở cho một nhà trọc phú. Ông nhà giàu cho Heo trông coi một lũ con đương tuổi nghịch ngợm. Suốt ngày, Heo phải bò quanh sân làm trò chơi, làm con ngựa cho chúng nó cưỡi.

Có những đứa tai ác ngồi trên lưng Heo giả vờ làm bố nó cưỡi ngựa đi việc quan, có đứa lôi tai Heo làm dây cương, có đứa cầm cái roi mây, hét cho ngựa chạy nhong nhong, rồi quật roi vào đít Heo.

Lũ trẻ đứng quanh thích quá, reo âm lên. Heo tức, ngoái tay lên, gạt một cái. Thằng bé ngã lăn xuống, va đầu vào cái chân cột đá, chết ngay đơ.

Lũ trẻ kêu lên. Heo nhảy ra cổng rồi chạy một mạch không biết ngày đêm là thế nào nữa. Qua mấy cánh rừng, thấy một ngôi chùa chon von trên núi. Heo lên chùa xin sư ông cho Heo xuống tóc đi tu. Nhà sư nhìn Heo một lát rồi nhận Heo làm tiểu.

Chú tiểu Heo ngày ngày quét sân, sớm chiều thỉnh chuông lau bụi các tượng phật trên chùa và nhà hậu. Sư ông cẩn thận bảo chú tiểu:

– Con phải chùi cho kỹ vào các kẽ tay, các khe nếp áo thì tượng mới sạch được.

Nhưng lau mỗi pho tượng kỹ lưỡng góc ngách như thế thì lâu quá, có hôm đến bữa vẫn chưa xong, Heo phải bỏ ăn. Bực mình, Heo nghĩ rằng quát khê: “Nhấc tay lên cho ông lau! Nhanh lên, ông đói lắm rồi”. Tự dưng, pho tượng gõ chìa thẳng tay cho Heo chùi được mọi chỗ, từ khuỷu tay đến kẽ tay. Lau đến pho tượng ngồi khoanh chân, Heo gí tay vào trán phật: “Duỗi chân ra, duỗi ngay ra không có thì ăn cái tát này”. Pho tượng lập tức giơ hai chân. Heo chỉ đưa thẳng một lượt khăn lau, pho tượng đã bóng nhoáng.

Chập tối, sư ông lên chùa tụng kinh, ngắm thấy tượng Phật Bà ngồi duỗi hai chân, sư ông giật mình. Sư ông gọi các sư, các tiểu trong chùa hỏi ai lên chùa nghịch ngợm làm cho các tượng phật dị dạng thế này.

Heo bước ra vái sư ông rồi cúi đầu:

– Bạch thầy, lúc nãy lau tượng con quên bảo Phật Bà ngồi khoanh chân lại.

Sư ông càng kinh ngạc hơn, nghĩ bụng: “Ta nghe nói chỉ có Ngọc Hoàng mới khẩn xin, trò chuyện được với Phật, nhưng cũng chưa được mắt thấy bao giờ. Vậy mà thằng bé này lại sai được cả Phật. Tình tượng này thì mà nhà nó phát làm Ngọc Hoàng đến nơi. Ta phải mau mau đi báo quan kéo nhờ thế nào thì nhà chùa mang vạ”.

Nhà chùa sai sứ bác lên báo quan phủ.

Heo đã trốn đi ngay trong đêm. Heo đi thật xa, đến một phố bên ven sông.

Heo vào làm thặng ở cho một nhà buôn có cửa hiệu và vườn cây quanh nhà. Heo quảy nước tưới vườn. Mỗi hôm tưới xong, Heo ngồi nghỉ bên gốc cau.

Heo nhìn lên cây cau, những tàu lá xanh ngắt, cây cau đương bóí đã ra hoa, sang giêng chắc là nảy buồng. Heo ngắm ba cây cau rồi nói:

– Ba cây đứng hàng ngang thế không được. Cây nào cao nhất là bố thì đứng giữa. Cây mẹ ở bên phải. Cây con đứng bên trái. Phải thứ tự, trên dưới thế.

Heo vừa nói xong, ba cây cau đã chuyển động đổi chỗ như Heo vừa ra lệnh. Cây cha cao vồng lên. Cây mẹ lùn xuống. Cây con thì thấp ngang đầu người.

Chủ nhà ở dưới thuyền lên đi qua vườn thấy ngờ ngợ lạ mắt. Rồi nhận ra ba cây cau so le khác mọi khi. Chủ gọi Heo làm vườn ra hỏi. Heo cười nói:

– Thưa ông, tôi bảo mấy cây cau phải đứng như thế cho ra lễ phép hàng lối có trên có dưới đấy ạ.

Ông chủ quát:

– Thằng này là con ma, mà là con ma láo lếu à! Ba cây cau của tao đương bóí sắp ra quả mà mà nghịch lung tung thế thì cây điếc, cây chột hết. Muốn sống thì làm lại ngay, không tao đánh chết quăng xuống sông.

Heo thưa:

– Bẩm ông, một lời đã nói ra thì không nói lại được.

Ông chủ vớ cái gậy đánh Heo. Heo nhảy lên rồi chạy ra ngõ.

Heo đi liền mấy ngày đến một vùng khác. Tới khuya, mỏi chân lại buồn ngủ, thấy một ngôi đền, Heo tạt vào. Từ trong đền ra tam quan đã đông

người ngủ nhờ quá. Hôm sau ngày phiên, lái buôn các nơi về chợ vào trọ trong đền. Heo ngồi một lúc, càng mỏi. Nhưng nhìn quanh không còn chỗ nào chen để nằm xuống được. Chỉ có trên bệ cao nơi tượng thờ Long thần áp tường còn trống. Heo trèo lên bệ, nhấc tượng Long thần bỏ xuống xó nhà, thế là Heo chui vào nơi để tượng được chỗ nằm tử tế.

Heo ngủ một giấc ngon, đến lúc nghe gà gáy, chồm dậy, đi ngay. Sáng hôm sau, bọn lái buôn trở dậy lục tục ra chợ. Ông từ vào quét dọn. Ông nhìn lên bệ, không thấy tượng Long thần. Có vết bùn khô, dấu người nằm. Ông từ lẩm bẩm: “Ai mà dám báng bổ thánh thần đến thế, liều nằm lên bệ thờ, lại đem tượng ngài đi đâu rồi?” Máy người quanh đấy cũng lên tìm, thấy tượng Long thần dựng đứng chỗ xó luồn.

Nhưng lạ lùng sao, ông từ bê cả hai tay cũng không nhấc được pho tượng gỗ lên bệ. Máy người xúm lại bê cũng không nổi. Ông từ thắp hương, xin quẻ mấy lần rồi đem hai đòn kiệu buộc lại, bốn người đến khiêng, tượng cũng không nhúc nhích.

Một người buông cái đòn gánh khiêng xuống, mặt đỏ phừng, mắt ộp đồng trợn ngược, quát lớn:

– Bọn mặt thịt kia không được hỗn. Vua đặt ta ở đâu thì ta phải ở đấy. Bao giờ vua cho lên bệ ta mới được lên.

Rồi người ấy gầm lên một tiếng, mặt lại trắng bệch. Hỏi vừa nói gì đấy, bảo không biết. Ai nấy mới bàng hoàng đoán đêm có vua đã vi hành qua đây.

Tin đồn có vua vi hành khắp nơi, một truyền mười, truyền trăm, truyền mãi, kể không biết bao sự lạ, người ta nô nức đi đón, đi tìm... Vua ở trên trời xuống, vua sắp ra...

Khắp nơi lần theo các câu chuyện lạ lùng. Bấy giờ đương loạn lạc, trộm cướp nổi lên, ai cũng khao khát được thấy bình yên. Không biết đâu thực đâu hư, bao nhiêu những chuyện ly kỳ. Nào có hôm vua thi nốt ruồi đỏ với quan phủ, vua có một trăm nốt son trên lưng, quan phủ chỉ có một cái ở



ngón chân. Vua ngủ trong chùa, các tượng phật phải hầu hạ, vua vào đền phật Long thần, bắt Long thần xuống đứng xó cửa.

Lại càng đồn thổi mãi.

Thế rồi tìm được Vua thật. Có nhiều người nói đã gặp vua, sư ông chùa nọ quả quyết, đã biết Vua, đã ở chùa với Vua.

Một buổi sáng, đằng xa xa thấy một người cỡi trần, đóng khố, mình lấm như vùi, quảy một gánh củi ở rừng ra.

Sư ông mừng rỡ reo lên:

– Vua kia kìa, Vua kia rồi...

Mọi người xúm lại. Heo cũng đã nhận ra sư ông năm trước. Nhưng Heo điềm nhiên nói:

– Tôi không phải Vua.

Mọi người cứ dìu Heo xuống hồ, kỳ cọ đến trôi hết đất cát trên người, càng kinh ngạc thấy chín cái nốt ruồi đỏ như chín vết son khuyên tròn dọc sống lưng. Mọi người chấp tay cúi rạp rồi tung hô: “Vạn tuế, thánh thượng vạn vạn tuế...” Bốn phía hò hét vang động chạy tới.

Ai nấy đều một lời van nài: “Đương cơn nạn nước, xin thánh quân ra tay cứu vớt bách tính thoát khỏi lầm than”.

Vua Heo phải theo lời.

Người bốn phương kéo cờ đưa quân về. Những đám giặc cỏ, nghe tin vua Heo, bọn thì tan chạy, bọn về hàng phục. Vua Heo cưỡi voi vào kinh đô, tiếng quân reo, tiếng ngựa hí vang trời.

Đại quân đi qua một vùng, đóng quân lại. Nửa đêm, vua Heo được báo:

– Có người xin vào bái yết.

Rồi dẫn vào một người đàn bà. Thoạt đầu, vua Heo không biết là ai, nhưng trông lên búi tóc trên đỉnh đầu người ấy thì nhớ ngay. Những chuyện khi gian truân ai cũng nhớ đời.

Bèn bước ra, cầm tay, hỏi:

– Có phải nàng đấy không?

Người đàn bà cúi mặt khóc.

Vào kinh đô, vua Heo lập nàng làm hoàng hậu.

## CHƯA ĐỒ ÔNG NGHÈ ĐÃ ĐE HÀNG TỔNG

Thầy đồ Ngọ nhà nghèo nhưng học giỏi nức tiếng. Cả trên thiên đình, Ngọc Hoàng cũng biết tài và mừng thay. Ngọc Hoàng cho ông Nam Tào mở sổ hạ giới ra chấm khuyên nốt son tròn đánh dấu... năm ấy... năm ấy... thầy đồ Ngọ đỗ tiến sĩ... năm ấy làm quan thượng thư...

Chẳng bao lâu cả làng quê thầy đồ Ngọ, các thần thành hoàng làng, thần đền, thần bến rồi thần đất, vua bếp, ông hà bá dưới sông cũng biết tin vui lớn ấy của thầy đồ Ngọ. Bước đường vông lọng, ngựa xe, ơn vua lộc nước sênh sang của nhà thầy đồ hay chữ đương đời cả ngoài ngõ. Thế mới hay trên trời hay dương gian chẳng gì kín đáo được, mà đâu cũng có tiếng đồn thổi, thật là đứng mạch vách tai<sup>1</sup>.

Hàng ngày, thầy đồ Ngọ đi nghe bình văn thường sang đền qua cửa đền thờ thần Cửa Sông. Thần Cửa Sông có ý tứ cung kính, lễ phép với người sắp có danh tiếng. Thầy đồ đi ngoài cổng đền, thần ngồi trên ngai ở hậu cung che bức màn điều, ở trong thần đã đứng dậy, chấp tay cho đến lúc thầy đồ đi khỏi cái bia hạ mã.

Nửa đêm, ông từ giữ đền được thần báo mộng:

– Ngày mai có quý nhân đến đền ta, ông từ phải quét tước sạch sẽ rồi lên đèn, thắp nhang. Quý nhân qua đền, ông từ nhớ ra bảo người chèo đò trái chiếu hoa để quý nhân ngồi.

Hôm sau, ông từ làm cẩn thận mọi việc như lời thần dặn. Suốt ngày chẳng thấy ai đến. Mãi buổi chiều mới có thấy đò Ngọ gầy leo khoeo, cái áo dài nâu vắt vai, chiếc khăn lượt tụt xuống quàng cổ. Thầy đồ bước liêu xiêu, không biết ông thầy đồ đương đói hay thầy đồ đã làm chén rượu ở đâu bây giờ từ dưới đò lên vào cửa đền nghỉ chân. Một lát, đứng dậy đi. Ông từ cũng không để ý. Ông còn đương ngóng quý nhân, như lời thần đã bảo. Nhưng mà đến đêm cũng chẳng thấy ma nào đi qua.

Một lần khác, thần đèn lại báo mộng dặn ông từ quét dọn và đèn nhang tử tế, lại bảo nhớ ra dặn người lái đò trải chiếu hoa... Nhưng rồi cả ngày chẳng thấy ai, lại chỉ có mỗi thầy đồ Ngoạ kiết xác bước lững thững vào đèn đọc đôi câu đối ở gian thờ rồi lui thủ đi ra.

Đến lần nữa, nửa đêm thần Cửa Sông lại báo mộng cho ông từ biết ngày mai có quý nhân vào đèn, nhớ cẩn thận... lễ phép... mời nước... Giữa trưa, lại cái thầy đồ áo rách tả tơi mọi hôm.

Lần này, ông từ mời thầy đồ lại rồi thì thảo kế cho thầy đồ nghe ông đã ba lần nằm mộng như thế.

Ông từ nói:

– Thần Cửa Sông thiêng lắm. Ai đi lễ cũng cầu được ước thấy, thuyền bè qua lại lên cúng nhiều lắm. Đã ba lần thần báo mộng vậy, chắc sau này nhà thầy đồ làm quan to.

Thầy đồ Ngoạ sững quá, về cả đêm không chợp mắt. Thầy đồ bấm đốt tay, chỉ còn một năm nữa đến kỳ thi. Ôi chao, vinh hoa phú quý đã tới nơi rồi đây. Thầy tưởng tượng đến ngày thi đỗ, vinh qui về làng, tiếng loa truyền khắp vùng từ gà gáy. Hàng tổng nô nức đi đón quan trạng. Rồi cờ điều lọng vàng, rồi tàn quạt, điều ống lính cặp theo, lính dẹp đường để “võng anh đi trước, võng nàng đi sau”.

Nhưng thầy đồ chợt nhận ra cái con mẹ hĩm nhà mình xấu xí quá. Nái xề cạo đầu trọc già mỗ, lại mặt rỗ huê, quanh năm hết chạy chợ về nhà lại váy đụp, cời trần phơi nắng bắt cua ngoài bờ rộc. Thế thì cái tướng mẹ hĩm không thể làm vợ quan trạng, làm bà tiến sĩ...

Thầy đồ Ngoạ quyết bỏ vợ. Thầy vác gậy đánh vợ, đuổi đi. Xóm giềng lấy làm lạ, xưa nay vợ thầy đồ tần tảo, nuôi con khôn lớn, nuôi chồng ăn học. Thầy đồ chẳng tiện khoe câu chuyện “quý nhân” thần Cửa Sông, nhưng thầy cứ lăm bằm đuổi đánh vợ ngày một tàn tệ hơn, đến độ vợ phải bỏ đi thật. Mọi người khinh bỉ thầy đồ bội bạc.

Hôm ấy, có người đến đòi nợ. Quanh năm, nhà thầy đồ vẫn nợ đũa ra, như mọi khi thì vợ chồng nói khó, khát hện tử tế. Nhưng hôm ấy thầy đồ

vênh ria lên đuôi chủ nợ, hằm hằm quát:

– Liệu hồn, nợ nần đòi vừa vừa chứ. Mai kia tao làm quan rồi, tao đến cắm đất, cắm vườn nhà các người đấy<sup>2</sup>.

Không hiểu thế nào, người chủ nợ cuống cuồng chạy ra. Thầy đồ Ngoạ còn đứng chửi theo. Rồi gặp ai, thầy đồ cũng sinh sự, cũng dọa, lại cãi nhau, chửi bới cả đôi bên hàng xóm. Rồi lúc nào cũng đe nẹt “chúng mày sắp biết tay ông”.

Chẳng ai ưa cái nhà thầy đồ kiết tự dựng lên mặt.

Rồi còn quá thể nữa, hôm có việc làng. Thầy đồ chỉ là dân bạch đình như trai làng chẳng có chỗ, có phần ở đình. Nhưng nghe tiếng trống đình, thầy chột như nhó: ô hay, không thấy đứa nào vào mời tao. Thầy đã ngỡ ta đã to, ta đã ngồi mâm nhất ngoài đình, thầy đồ đi luôn ra đình.

Thầy đồ Ngoạ tới chỗ phản đá chỗ các cụ lão làng. Một cụ hỏi:

– Anh đồ lên đây có việc gì?

Đồ Ngoạ đáp trống không:

– Chỗ ngồi của mõ ở trên này.

Một cụ nói:

– Trong đình chưa có chỗ anh đồ ngồi.

Đồ Ngoạ trợn mắt:

– Mõ còn ngồi cao hơn các bố già kia!

Các cụ lắc đầu, lè lưỡi vì câu nói hỗn. Ông thành hoàng làng ngồi trên ngai ở hậu cung nghe tiếng, tức lắm.

Những cái trái khoáy của thầy đồ Ngoạ rồi thì tất cả các thần trong làng đã biết. Thần đất, vua bếp, cả ông Hà Bá dưới sông, các thần đã trình lên thiên đình, xuống thủy cung. Rằng thầy khoá Ngoạ lộng hành, chưa thi đỗ, chưa chức tước gì mà đã coi trời bằng vung.

Ngọc Hoàng phán:

– Người có chữ, có đức thì làm quan. Còn cái đũa hư thế thì xoá đi.

Rồi lệnh cho quan Nam Tào mở sổ gạch chỗ khuyết đỗ chấm đỗ tiến sĩ của thầy đồ Ngọạ.

Một hôm, thầy đồ Ngọạ ở dưới đèn, tạt vào chơi đèn. Trông thấy ông đồ, ông từ bối rối, giật mình. Đêm qua ông từ không được thần báo mộng có quý nhân vào đèn như mọi khi. Nhưng ông từ vẫn lễ phép trải chiếu mời thầy đồ ngồi, rồi lên đèn, thắp nhang.

Nửa đêm, thần báo mộng:

– Từ nay, tên thầy đồ ấy vào đèn không phải đón rước nữa.

– Thưa, tại sao?

– Thiên đình xoá sổ thi đỗ làm quan của nó rồi.

– Thưa, tại sao?

– Tại nó hư quá.

Thầy đồ Ngọạ đi thi, cho đến năm bảy mươi tuổi, không nhớ thi bao nhiêu khoá, chẳng đỗ khoá nào. Sa sút mãi, bán cả nhà, cả vườn, chỉ có một thân một mình, phải ra nằm cửa đình. Ngày ngày đi xin ăn. Cũng còn đôi chút sĩ diện, thầy đồ lên lút đi ăn mày ở các chợ bên kia sông.

Câu người đời truyền khẩu mỉa mai: “Chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng” là bởi cái tích thầy đồ Ngọạ này.

## CHÀNG RẼ KÉM MẮT

Anh chàng ấy đẹp trai, nhưng phải hai con mắt bị thong manh từ thuở lọt lòng mẹ. Bệnh quái ác, mà bề ngoài, mắt anh trong trẻo như mọi mắt người lành. Dường như con mắt người ta không nhìn thấy thì con mắt biết nghĩ. Anh lanh lợi, nhanh nhẹn, mọi việc đến tay đều làm được, làm khéo. Chẳng mấy ai biết mắt anh bị loà.

Giêng hai Tết năm ấy, các làng trong vùng có hội hát trống quân. Đêm đến, trai gái các làng rủ nhau đi hát, đi xem hát, xóm nào cũng ríu rít, rộn rã. Anh chàng kém mắt cũng theo bạn đi chơi.

Đến một xóm, cả bọn lên nhà. Nghe tiếng cười nói biết có đông người xem, người hát. Anh đi theo người sau cùng, ngồi đằng cuối vách.

Vui hát suốt đêm, nhiều bạn xa phải ngủ lại. Anh chàng cũng ngủ lại. Đến lúc sáng ra, bọn trai làng mãi kéo nhau đi chơi hát tiếp ở các nhà khác, bỏ quên anh nằm đấy.

Anh nghe tiếng chim sẻ đùa nhau, cãi cọ nhau ngoài bụi tre, biết trời đã sáng.

Anh trở dậy, giơ tay vịn bức vách, vịn cột, có ý tìm cửa ra.

Bác chủ nhà hỏi anh làm gì mà xem đi xem lại chỗ vách đằng ấy thế. Anh đáp:

– Cháu đo xem chỗ cửa bức bàn nhà ta có dài bằng cửa nhà cháu không.

– Thế bức bàn nhà cháu hay nhà tôi rộng hơn?

– Hai bên cũng bằng nhau.

Bác chủ nhà đoán được nhà anh chàng điển trai này cũng phong lưu tương tự nhà mình.

Anh đã lần ra tới cửa. Anh chấp tay chào cả nhà xin về. Nhưng bây giờ nhà đã thổi cơm sớm cho mọi người ăn rồi đi làm đồng. Nhân tiện, bác chủ nhà giữ anh ở lại ăn cơm. Nghe tiếng đàn bà con gái phía đằng bếp, anh thấy vui và đến ngồi vào mâm.

Trong mâm, bát canh rau muống để trước mặt, anh chan canh rồi gắp rau mấy lần. Bác chủ nhà nói:

– Có cá mới kho, sao chỉ gắp rau?

Anh lễ phép đáp:

– Nhà cháu quen rau dưa thế, cháu không làm khách đâu.

Bác chủ nhà nghĩ nhà anh này nền nếp cần kiệm mà anh lại nết na ý tứ.

Ăn xong, anh chào ra về. Bước xuống hè, vấp phải cái cán cào. Cán cào hất vào trán, đau điếng. Anh cúi xuống cái cào để sang một bên. Nhưng lại sờ thấy một cái vồ bên cạnh. Anh cầm vồ nện cái cào cho hả cơn tức mình.

Bác chủ nhà quay ra, thấy thế, hỏi:

– Cầm cào, cầm vồ làm gì đấy?

– Cháu thấy cái cán cào lỏng, cháu tra lại.

Bác chủ nhà cho là anh chịu khó, hay làm. Bác nghĩ:

– Con cái nhà ai đương tuổi ăn tuổi chơi mà biết chăm chỉ thế cũng hiếm có. Con gái ta mà được thẳng chồng thế này mới khỏi lo.

Rồi nói ngay:

– Mà tốt nết lắm. Có muốn lấy con gái tao, tao gả cho.

Anh về nhà, giục bố mẹ đưa trầu cau đi hỏi cô con gái nhà họ. Được bố mẹ đằng ấy ưng ý từ trước, mọi việc lo cưới hỏi đều êm thấm, trót lọt cho đến ngày cưới cũng thật êm đẹp.

Chỉ còn một việc khó khăn nhất – theo tục lệ về dựng vợ gả chồng ở cõi ấy, chú rể phải ở rể nhà vợ ba năm rồi mới được đón vợ về. Bố mẹ anh thật băn khoăn, ngần ngại quá mà chưa biết nghĩ được cách ra sao cho trót lọt được.



Nhưng anh chẳng lo lắng gì. Anh xin đi ở rể. Anh nói:

– Bố mẹ đừng lo.

Bởi anh vẫn nghĩ như mỗi khi gặp khó khăn, mắt kém thì đã có tai, có miệng, có chân tay đỡ đần. Việc gì rồi cũng làm được.

Anh đi ở rể.

Đạo ấy, đến mùa cày, anh được bố vợ bảo đi cày thửa ruộng trên đồng cao. Mẹ vợ dắt trâu đi trước để chỉ ruộng cho anh làm. Anh đóng vai cày, giục trâu vào ruộng, cầm cày đưa trâu đi đường cày ra hàng ra luống gọn ghẽ. Nhưng cũng có lúc để trâu nhỡ bước lấn sang ruộng bên cạnh, đẩy vỡ một đoạn bờ.

Mẹ vợ ra gọi về ăn cơm trưa, thấy thế, nói:

– Vô ý quá, sao con lại cày sang ruộng nhà người?

Anh đáp:

– Vì bờ ruộng hai nhà đều thấp, con cày sang để lấy đất đắp bờ cho cao.

Bà nhạc nghe cũng xuôi tai.

Một hôm anh kéo nước ở cái giếng khơi đằng cửa bếp. Thế nào đứt dây gàu bị lộn cổ ngã tòm xuống giếng. Thành giếng không có hốc để chân giẫm búa trèo lên được. Anh không kêu, cứ tay bám chân bơi, không chìm được, lặng yên như con ếch nằm ngậm hơi dưới giếng.

Vợ anh ra kéo nước, trông thấy anh lững lờ ngoi ngóp trong lòng giếng thì kêu lên:

– Giời ơi! Mắt mũi để đâu mà rơi xuống giếng thế kia!

Anh ngửa mặt lên, cười:

– Rong rêu bẩn quá, tớ xuống vét cho sạch giếng ấy mà.

– Sao không lấy thang mà trèo?

– Không tìm được thang ở đâu. Mà tớ biết bơi, tớ nhảy xuống cho nhanh. Giếng quang hết rêu rồi, mau mau đem thang xuống cho tớ lên. Nước

ngắm rét quá, ốm đến nơi đây này.

Một hôm, bố vợ bảo anh đi với mấy người thợ vào rừng vác những cây gỗ nghiêng đã ngã sẵn đem về đẽo bắp cày. Cây gỗ khiêng nghênh ngang, kẻ trước người sau dễ đâm vào bụi, cái này thì biết gỡ ra thế nào.

Anh kiếm có ở lại đi sau. Thế nào cũng có người nhà hay vợ ra đón, bấy giờ tha hồ nghĩ cách đi ngang dọc một mình. Anh ôm bụng lên cơn đau, quăng cây gỗ xuống rồi nằm lăn ra nhăn nhó kêu. Mọi người xúm lại xoa bụng, đấm lưng cho anh. Anh vẫn rên rầm không dứt cơn, rồi phải đỡ anh vào cái lều cạnh đường để mọi người vác gỗ về trước.

Có hai người lính cưỡi ngựa đi qua. Thấy người nằm rên trong lều, bèn hỏi:

– Sao lại một mình nằm đây?

– Tôi đi khiêng gỗ về đẽo bắp cày. Chưa khiêng, chưa đẽo được cái nào thì nổi cơn đau bụng.

– Anh chịu khó ngồi lên ngựa, chúng tôi đưa về.

Anh nhăn nhó:

– Các ông có lòng thương thì sẵn rìu đấy, đẽo giúp cho tôi cái bắp cày. Được bắp cày thì tôi về mới khỏi phải chịu đòn của nhà chủ.

Hai người lính xuống ngựa đẽo cày, cả bắp cả lỗ khoan nhăn nhui. Chỉ một loáng đã xong mấy cái. Tới khi hai người lính vừa đi khỏi thì vợ anh mang đến giỏ cơm, ống nước, mồi lửa, lại cả bó gai cứu, lá mơ tam thể làm thuốc đau bụng. Vợ đi tới trước mặt mà chồng cứ nhìn trân trân đi đâu. Vợ bực qua, cất tiếng nói nghiêng ngả:

– Mắt anh thông minh hay sao, hay tôi có điều gì không phải mà bỗng dưng lạnh nhạt nhau thế! Cơm nước đây, lại thuốc đau bụng nữa này.

Anh cười to:

– Tôi mãi ngắm những cái bắp cày mới đẽo có được không, quên cả nhìn vợ đẹp đấy. Thôi thôi, vợ đẹp ơi, vợ đẹp ra đón thì tôi đã khỏi đau bụng

rồi.

Nghe câu nịnh khéo, vợ cười, thế là hết bực mình.

Nhà có cỗ giết trâu mừng thọ bố vợ. Khách khứa đến đông. Các mâm bày la liệt khắp nhà. Đám trai làng ngồi với anh, chúng họ ăn thịt uống rượu ồn ào xô bồ.

Anh nói to:

– Chúng mày ăn hỗn thế thì chỉ những thằng tham gặp hết miếng ngon. Bây giờ làm thế này, các món đồ dòn làm một bát, làm thế thì đĩa nào cũng được ăn như nhau.

Mọi người nghe ra cũng phải. Lại rượu vào đương vui, chúng nó lấy cái chậu đổ tất cả bát luộc, bát nấu, bát sao vào làm một. Thế là anh chàng kém mắt chỉ việc cầm đĩa gặp có một chỗ, được từng miếng ngon lành.

Anh gặp phải miếng thịt trâu to. Nhai mãi không nhai nuốt được, mà xung quanh chúng nó ăn nghiêng ngả rào rào. Sốt ruột, anh nuốt chửng miếng thịt. Nhưng miếng thịt nghẹn giữa cổ. Anh cố nuốt, mắt trợn ngược, hai hàng nước mắt đổ ròng ròng.

Bất đồ thế nào mà miếng thịt vừa trôi được xuống cổ họng, thì hai con mắt anh bật sáng.

Anh nhìn cảnh nhà nhộn nhịp, vừa ngỡ ngàng lại vừa như đã quen, thật vui mắt. Việc đầu tiên là tìm xem vợ anh thế nào, vợ anh ngồi đâu.

Mấy mâm cỗ các bà các cô đang ấy đương quây quần cả hai ba chục người. Biết người nào là vợ anh?

Anh đứng lên, bước lảo đảo làm như người say rượu. Anh loạng chạng đụng người này, xô người kia. Có chị đương ăn phải đỏ mặt buông đĩa đẩy anh ra. Có người quát: “Vợ lù lù ngồi đây mà dám chột nhả với người khác, không sợ vợ chửi cho à!”.

Vợ anh ở mâm bên kia, vừa ngỡ ngàng, vừa tức. Chị đứng dậy, chạy đến nắm tay chồng, lôi tuột vào buồng, vừa lôi vừa mắng: “Rượu cho lăm vào! Rượu cho lăm vào!”

Anh nghe rõ ràng tiếng vợ rồi. Anh thấy vợ anh đẹp hơn mọi khi anh tưởng tượng.

## ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH

Trên sông Cái, có người lái buôn tên là Vạn Lịch. Bác lái Vạn Lịch giàu nhất vùng, thuyền bác quanh năm xuôi ngược từ các ngọn nguồn ra cửa bể.

Bác Vạn Lịch buôn bán lớn nhưng phải cái xấu tính. Bác đi thiên sơn vạn thủy, vợ bác là Mai Thị chỉ ở nhà thế mà đã bao phen khổ cực, bị xỉ vả, đánh đập chỉ vì bác Vạn Lịch hay nghi kị vợ không chung thủy.

Hôm ấy, bác Vạn Lịch nằm trong thuyền, Mai Thị ngồi ngoài đầu khoang đương tằm trâu. Trời lạnh, trong thuyền lúc nào cũng phải trữ trâu cau để ăn cho ấm người.

Có một người đánh giậm từ dưới sông lên đi qua. Gió thổi hun hút mà người ấy đóng khố, cởi trần, vai vác cái giậm bước run lẩy bẩy. Rét quá, Mai Thị động lòng thương, cầm âu trâu bước ra, bảo:

– Trời rét thế này, cầm khâu trâu mà ăn cho ấm bụng.

Bác Vạn Lịch ở trong nhìn ra, thấy vợ đưa trâu cho người đánh giậm. Cơn lôi đình nổi ùng ùng. Bác gọi vợ vào, nắm tóc đánh một trận bò lê kéo càng rồi nhặt xống áo của vợ vứt lên bãi, ném theo cho một thoi vàng rồi đuổi đi.

Vợ khóc lóc, van xin thế nào, người chồng cả ghen cũng không cho ở lại. Đành phải nuốt nước mắt ra đi.

Một hôm, Mai Thị gặp lại người đánh giậm ngoài bãi sông. Mai Thị kể mọi sự tình. Người đánh giậm nói:

– Để tôi đến giải bày nỗi oan cho chị.

Mai Thị can:

– Anh mà đến bây giờ thì người ta giết anh.

– Nhưng không thể cứ lang thang mưa gió thế này, hay là chị hãy về lều tôi.

Mai Thị nghĩ có lẽ số trời đã định, thế là hai người thành vợ thành chồng.

Cuộc sống vợ chồng Mai Thị nghèo khó, nhưng thuận hoà, người chồng thật tốt bụng và quá đỗi hiền lành. Một hôm, có đàn gà vào bới bếp. Chồng tìm cái que để đuổi gà, thấy trong bọc xống áo vợ có thoi vàng liền cầm ra ném gà. Chẳng ngờ vung mạnh quá tay, thoi vàng văng xuống sông.

Người vợ vừa vào đến cửa, kêu lên:

– Anh vứt hết của cải đi rồi, thoi vàng mà không biết à?

Người chồng cười:

– Tưởng thoi vàng thế nào chứ thoi vàng thế ấy thì chỗ tôi đánh giậm đầu mom đặng kia nhiều vô khối.

Hôm sau, chồng đưa vợ ra chỗ mom sông. Vợ chồng lội xuống mò. Dưới đáy nước có một đồng vàng thực, thoi vàng nào cũng khắc hai chữ Vạn Lịch.

Từ ngày vợ bỏ đi, bác Vạn Lịch đau buồn khôn nguôi. Lại luôn mấy chuyến buôn bị lỗ. Bác Vạn Lịch chán đời không cắm thuyền ở vùng vạn ấy nữa. Bác bán nhà, bán thuyền chỉ giữ lại một chiếc ngược sông đi lên tìm ở ngọn nước khác.

Chẳng may, đến đây gặp bão, thuyền bị đắm. Bao nhiêu của cải chìm xuống sông nốt. Chỉ mỗi mình bác Vạn Lịch sống sót ngoi ngóp được vào bờ.

Không ngờ Mai Thị và chồng lại mò đúng chỗ thuyền đắm ấy mà Mai Thị nhìn cái túi, cái giỏ đã nhận ra. Vợ chồng đội thúng vàng về. Người vợ đem bán lấy tiền, làm nhà cửa tử tế. Chẳng biết bác Vạn Lịch còn sống hay đã chết, người vợ lập bàn thờ, tuần rằm mừng một, cúng người đã cho của.

Có nhà ở khang trang rồi, nhưng đi ra đi vào tối ngày quanh quần chỉ có hai vợ chồng. Người chồng nói:

– Chẳng có ai đến chơi, buồn ghê!

Người vợ bật cười:

– Anh hiền như đất thế thì chỉ có chơi được với phỗng.

Người chồng hỏi lại vợ “thế hả” rồi đi tìm phỗng. Anh vào trong làng, đến một ngôi đền, thấy pho tượng ngồi trên bệ. Hỏi tượng gì, người làng bảo tượng phỗng đấy, anh reo lên: “A! Bác Phỗng đây rồi. Mời bác về nhà tôi chơi”. Nhưng pho tượng vẫn ngồi yên, chẳng đặng đậy. Người chồng đến tận nơi, chèo kéo, dỗ dành. Tượng vẫn lẳng lặng như không biết. Sốt ruột, bèn lôi tượng đứng lên. Thì pho tượng đổ kèn ra. Tức mình, liền bỏ đi.

Về nhà, kể lại chuyện với vợ. Vợ cười ngặt nghẽo: “Thế là ông Phỗng cũng chẳng buồn chơi với anh!”.

Ngôi đền ấy là nơi phát tích. Thuở hàn vi, có thời nhà vua đã tu ở đấy. Khi được lên ngôi, nhà vua vẫn nhớ thuở long đong, đã tu sửa chùa và năm nào cũng cho người đem đồ lễ và tiền bạc về hương khói nhà chùa.

Bỗng dưng, nhà vua bị đau liệt một bên người, uống thuốc không khỏi. Năm mộng, thấy Bụt hiện về bảo:

– Có động ở chùa phát tích.

Cho người về thăm chùa, thấy pho tượng Phỗng đổ nằm dưới đất. Các quan làm lễ tạ rồi sai trai tráng trong làng ra cúng nâng tượng. Lạ thay, cả chục người ghé vai vào khiêng mà pho tượng vẫn nằm trơ trơ.

Nhà vua lo lắng, càng ốm nặng. Bèn yết bảng khắp nơi cầu trong thiên hạ đâu có người tài dựng được pho tượng Phỗng lên.

Mai Thị đi chợ, thấy người xúm xít xem bảng cầu người tài. Mai Thị nhớ mang máng đã nghe chồng kể có lần vào chùa chơi với Phỗng làm đổ pho tượng, Mai Thị về hỏi chồng. Chồng nói:

– Ừ, tôi kéo Phỗng đứng dậy, để đưa về nhà chơi cho vui, như mình bảo đấy, nhưng Phỗng đã lăn đùng ra, không chịu đi.

– Thế bây giờ có nhắc được Phỗng dậy không?

– Chắc là dễ như bỡn, nhắc đứng lên còn được cơ mà.

Vợ chồng vào chùa. Quan quân và cả làng ra, nhà chùa vẫn đang cúng. Anh đánh giậm cúi xuống nâng pho tượng lên bệ như cũ nhẹ nhàng chẳng khác đặt hòn đất đầu rau ông vua bếp.

Trong kinh đô, nhà vua tự nhiên ngồi dậy được, thế là khỏi bệnh.

Nhà vua mời người đánh giậm vào triều, thiết tiệc cả hai vợ chồng rồi hỏi:

– Nhà ngươi có công to, nay muốn được thưởng gì?

Người đánh giậm nói:

– Thưởng gì cho vợ chồng tôi cũng được.

Nhà vua phán:

– Người đã cả đời ở nơi sông nước, nay cho làm quan tuần ty trông nom thu thuế thuyền bè ra vào cửa sông.

Người đánh giậm lạy tạ rồi đi nhận chức.

Một hôm bà tuần ty ra ngồi ngoài trạm thu thuế, đếm thuyền vào bến. Một người nhà thuyền bước vào, người ấy trông lên, mặt bỗng tái mét. Đây là bác Vạn Lịch. Từ ngày thuyền đắm, mất hết của. Bây giờ rách rưới, ốm yếu, ngày ngày đánh cá, chèo thuyền thuê nuôi thân.

Mai Thị cũng đã nhận ra người chồng cũ. Mai Thị nói:

– Cái ngày xưa anh nhẫn tâm đuổi tôi đi bơ vợ...

Người chồng cũ chưa nghe hết câu nói đã lạng người, quay ra. Đến một cây gạo ven sông, treo cổ lên, tự vẫn.

Mai Thị nghĩ cũng thương con người biết hối lỗi, nhưng đã quá giận thân mà làm liều. Vợ chồng Mai Thị xin nhà vua cho được phát chẩn một



năm đôi kém. Vàng trong nhà đúc thành tiền, khắc hai chữ Vạn Lịch, đem chia cho người nghèo.

Từ đây mới có câu hát mang nhiều ý nghĩa:

*Đồng tiền Vạn Lịch, thích bốn chữ vàng...*

## MỤ LƯỜNG

Ở cửa sông kia có một chú lái trẻ tuổi tháo vát. Chú lái có chiếc thuyền chở hàng, khi bán đi khi buôn về, nào mật ong, nào sừng hươu, lại vải lụa. Nhưng cũng chỉ là những thổ sản trong vùng, không phải đã là buôn bán tung hoành dọc ngang thoả chí. Chú lái đương sức bay nhảy. Chú ước ao có chuyến buôn xa, tiền rừng bạc bể trong thiên hạ đổ về như nước.

Nghe nói ngoài bể Bắc có bến lớn, thuyền bé bốn phương qua lại, chú lái bàn với vợ:

– Người ta bảo bên Hạ Châu cửa bể đông vui lắm. Ta thử đi một chuyến xem.

Rồi sửa sang thuyền, lại chịu khó đi cất hàng hiếm, những quế chi, hoa hồi, ngọc trai, gấm vóc... Rồi thuê mấy người khoẻ mạnh theo đỡ đần. Hôm đi phấn chấn lắm, vợ tiễn chồng ra tận đầu bến, chồng đứng khoát tay ra cửa sông vừa cười vừa nói:

– Bây giờ đương mùa nồm nam, thuyền ta dong lên Bắc, khi nào gió bắc thổi thì ra đón đoàn thuyền nhà về. Cũng chẳng bao xa đâu.

Vượt bể nửa tuần trăng thì tới cửa Hạ Châu. Quả nhiên, tiếng đồn chẳng sai. Thuyền bè ra vào phấp phới như bướm bướm, lại đậu liền kề nhau như nhà nhà ngòi mặt nước. Trên phố, la liệt cửa hàng, chú lái lên dạo chơi, xem ngắm, dò la mối hàng. Trông thấy phía trước một toà nhà to, bốn mặt mở ra cửa hàng. Một người qua đường thấy khách ngắm nghía ngôi nhà, liền hỏi:

– Chắc mới đến Hạ Châu?

– Vâng, tôi đem hàng đến.

Người kia vồn vã:

– Thế thì vào hiệu buôn nhất cỡ Hạ Châu, nhà ấy đấy, mỗi bán mỗi mua lúc nào cũng sẵn.

Vừa hay trong hiệu bước ra một bà xiêm áo diêm dúa, cùng một đám gia nhân bao quanh. Bà ấy vồn vã chú lái:

– Mời quý khách vào nghỉ chân.

Chú lái nghĩ: “Mới đặt chân lên bến đã gặp người tử tế, thế là diêm may”. Chú lái và đám người làm bước vào nhà, bà ấy mời ngồi rồi nói:

– Khách xa đến, hãy thông thả, nghỉ ngơi mấy hôm cũng được. Ngày mai ngày kia các ông cho tôi xuống thuyền xem hàng, bấy giờ ta hãy nói chuyện làm ăn.

Bà chủ nhà đưa khách đi thăm các phòng ốc từ dưới lên lầu. Rõ ràng màn the, vách quế thơm nức tỏa ra. Đến một phòng uy nghi tĩnh lặng, chủ nhân mở khoá cánh cửa. Nhìn vào thấy trên bàn thờ một tượng rùa vàng to bằng hòn đá tảng sáng ngời đặt trên một cái mâm ngọc long lanh.

Chủ nhân kể:

– Tượng thần Rùa Vàng của nhà chài đưa ngoài bể Đông vào, từ thời tổ tiên tôi để lại, truyền lại đây là thần Tài cho cửa, giữ cửa. Nhờ bóng Rùa linh mà cửa hàng tôi hay gặp được quý nhân như các ông đây.

Tối ấy, bà chủ mở tiệc khoản đãi. Đủ sơn hào hải vị thật lạ miệng. Ăn uống đến khuya rồi cả chủ tớ được mời nghỉ ở phòng khách sang trọng.

Chú lái càng chắc mẫm đã gặp bạn buôn giàu có và thế lực. Cái mộng làm ăn lớn phượng xa có lẽ đã bắt đầu ở ngay chuyến đi mở hàng này.

Chú lái không biết đấy là mục Lường, cơ ngơi mục ở Hạ Châu phát đạt chỉ bởi mảnh khốe lường gạt. Ở đây chẳng lạ thủ đoạn của mục, nhưng ai cũng cam như thóc không dám dấy, bởi mục có thể hãm hại chẳng khó gì những kẻ xấu chơi với mục.

Cái người ngoài đường, mách chú lái vào cửa hàng chỉ là tay chân của mục Lường thả ra đi dắt khách.

Sớm hôm sau, lại một bữa điếm tâm. Xong rồi chủ nhà bảo chú lái dẫn xuống thuyền cho xem hàng. Hàng chú lái mang đến không nhiều nhưng toàn những thứ đắt giá mà Hạ Châu chưa có mấy khi. Mụ Lường khắp khởi mừng thầm sắp được một món béo bở. Khách đưa xem hàng xong, đi dạo phố về chủ nhà lại mở cuộc chè chén.

Mụ bảo:

– Chỗ hàng này tôi sẽ lấy hết. Bắt mỗi làm ăn với nhau còn về lâu về dài, các ông đặt giá thế nào, tôi mua thế ấy, không phải mặc cả. Các ông bằng lòng thì ngày mai tôi cho người xuống dỡ rồi trả tiền bằng vàng ngay một lúc, thế có được không?

Chú lái càng mừng rơn, mọi cái đều quá cả ước mong. Tối ấy, tiệc nữa rồi cả bọn lại nghỉ lại.

Nửa đêm, gia nhân nhà mụ Lường đem tượng Rùa Vàng xuống nện cửa khoang, bỏ tượng vào giữa những tấm lụa xếp trong vách thuyền.

Sáng ra, mọi người về, hện bà chủ chốc nữa xuống thuyền dỡ hàng.

Cả bọn đi được một quãng, ra đến bờ sông. Có tiếng gọi giật, quay lại thấy mụ Lường đương hốt hải chạy theo. Bà chủ không ăn mặc diêm dúa như mọi khi mà mụ xắn váy, chít lộn khăn, mặt đỏ tía tai, rõ ra mụ Lường đáo đẽ.

Mụ hét to:

– Nhà tôi mất trộm ông Rùa Thần Tài! Các người phải quay lại ngay.

Mọi người vội trở lại. Lên lầu, trong bàn thờ chỉ còn trơ cái mâm ngọc. Mụ Lường meo máo:

– Các người trả tôi Rùa Vàng!

Chú lái quả quyết:

– Tôi không lấy.

Rồi hỏi bọn gia nhân:

– Có đứa nào lấy trộm Rùa Vàng không?

Bọn người nhà quì xuống, khóc mà rằng không biết. Chú lái cũng nghĩ bọn này không thể ăn trộm. Họ đều ngay thẳng, tử tế, có người đã đi với chú lái nhiều chuyến.

Đầy tớ nhà mù Lường đã kéo ra đông lắm, vây kín mọi người. Mới tối hôm qua, chúng nó chắp tay vái khi chú lái đi qua, bây giờ hùng hổ như con sói đớp được mồi, chúng nó đọi xông vào đâm đá, trói bọn chú lái. Mụ Lường nói:

– Phải khám mới biết được, không hỏi nữa.

Chú lái nói:

– Tôi mới đến, không vào nhà ai, chỉ ở nhà bà.

– Biết thế nào được, phải khám người, khám thuyền.

Chú lái hét lên:

– Thuyền tôi mới tới, chưa dỡ hàng.

– Từ hôm qua chỉ có bọn bay ở nhà tao, bọn bay trông thấy tượng ông Rùa Vàng.

Lũ người nhà mù Lường xô xuống. Chú lái đứng ra cản lại.

– Phải có quan huyện tới đây phán xử mới được.

Lát sau, quan đến. Quan huyện già đã được mù Lường đút lót mỗi chuyến làm ăn, quan cũng một giuộc. Quan phán ra về công minh:

– Hai bên đặt lệ ký cược công bằng nhau rồi quan mới cho xuống thuyền khám.

Mụ Lường nói trước:

– Bẩm quan, nếu khám mà không thấy, tôi mất một trăm lạng vàng đền danh giá cho người này.

Quan truyền:

– Tội trộm cắp là tội to bằng tội giết người. Khám mà thấy thì thẳng này phải mất thuyền hàng, cả bọn chúng mày suốt đời làm người ở nhà ấy.

Người nhà mù Lường và lính quan kéo xuống thuyền. Các cửa khoang bị tháo, khiêng ra các buộc hàng. Chú lái đứng trông mà buốt ruột.

Nhưng cái đau ấy chưa phải ghê nhất. Bọn lính lục đến chỗ những tấm lụa, nhắc lên thấy cái tượng Rùa Vàng. Chú lái xanh mét mặt, như chết đứng.

Thế là mù Lường được cả thuyền hàng, lại được nô lệ. Trong nhà mù, người ở khi đông quá thường đem bán cho các chủ khác, nhiều lắm.

Rồi những người theo chú lái phải bán đưa đi đâu không biết. Từ hôm ấy chú lái ở lều ngoài vườn, cả ngày cắt cỏ, chăn ngựa, vừa đói vừa khát. Chú ngựa mặt lên trời, kêu:

– Trời ơi! Độc ác đến thế mà được làm người ư?

Một hôm, chú lái đi chăn đàn ngựa ra ven sông. Gặp một ông lão chít khăn nhiễu, râu bạc, tay chống gậy tầm xích, cốt cách như ông tiên. Ông lão cầm trên tay một quả bưởi đỏ.

Chú lái nói:

– Cháu khát nước quá, ông cho cháu một múi bưởi.

Ông lão nói:

– Bưởi này không ăn được.

– Thế để làm gì?

– Quả bưởi này để cứu người.

Chú lái chấp tay lạy ông lão:

– Ông ơi! Cháu là người sắp chết oan đây.

Chú lái kể đầu đuôi nỗi khổ của chú, lòng tham không đáy của mù Lường, tội ác lão quan huyện. Nghe xong, ông lão nói:

– Con viết một lá thư cho vợ, mai mang ra đây cho ta.

Chú lái viết thư cho vợ kể từ ngày bước chân đi, đến khi gặp nạn. Hôm sau, đem đưa cho ông lão. Ông lão cầm con dao khóa vỏ bưởi, nhét lá thư

vào rồi lấy nhựa đa gắn lại. Ông lão lẩm nhẩm đọc tên bến quê chú lái, tên vợ chú lái rồi ném quả bưởi xuống dòng nước, nói to:

– Mau mau đi cho được việc!

Cuối năm, vợ chú lái ra bến ngóng thuyền chồng. Đã qua mùa gió bắc rồi mà chẳng thấy thuyền về. Không biết thế nào, chỉ khóc đợi và đến khi gió bắc thổi lại đứng trên bến trông ra.

Một hôm, xa xa thấy một chấm đỏ bập bênh giữa sông nước. Chấm đỏ ấy trôi băng băng vào, sóng đánh hất quả bưởi lên tận chân nàng trên cát.

Nàng nhặt bưởi, thấy quả còn tươi, một vết nhựa dán hằn trắng. Nàng bóc ra thấy trong ruột bưởi một đệp mấy tờ giấy có chữ của chồng.

Nàng về sắm một thuyền chở lụ và ngọc trai đến mùa gió nồm dong buồm vượt bể đi Hạ Châu. Trong bọn chèo lái có một người thợ bạc chuyên nghề đúc.

Nửa tuần trăng, thuyền vào bến Hạ Châu. Chủ thuyền và bọn người nhà lên bến tìm mối hàng. Tay chân mù Lường lại dắt ngay vào cửa hiệu. Mụ Lường mừng thầm thấy chủ thuyền cũng là nữ, mụ chào hỏi cuống quýt.

Rồi đi xem nhà, ngắm pho tượng thần Rùa Vàng, sau đến tiệc tùng linh đình và bọn khách ngủ lại. Rồi mù Lường hẹn sáng hôm sau xuống thuyền xem hàng, y hệt bao nhiêu chuyến đã đánh lừa các người khác.

Nửa đêm, mù Lường lại đã cho người đem tượng Rùa Vàng xuống nệm cánh song khoang thuyền, vùi vào giữa những thửa lụ.

Có một điều không ngờ là người thợ đúc vẫn nằm nấp ở khoang ngoài. Bọn giầu Rùa Vàng vừa đóng lại nẹp khoang, người thợ lần ra bưng pho tượng vào khoang bếp. Mọi đồ nghề than củi đã sắp sẵn, người thợ đánh lửa nung tượng chảy ra những thỏi vàng, xếp lại để dưới chân những cây lụ. Rồi người thợ đúc gỡ nẹp khoang, chui lên bến. Làm như trong thuyền vẫn không có người. Trời vừa rạng sáng.

Bọn khách ra về. Mụ Lường hốt hải chạy theo, kêu khóc:

– Quân ăn trộm! Ăn trộm, bắt lấy!

Bọn khách đứng lại. Mụ Lường la hét gia nhân:

– Chúng bay vào công đường mời quan huyện ra bắt trộm!

Luật lệ ở Hạ Châu xưa nay xử kiện giống mọi đám trộm cướp khác, như đã buộc tội sẵn chủ lái.

Bên mất của mà tìm thấy thì bên ăn trộm phải đền hết cơ nghiệp, bị làm đầy tớ suốt đời. Bằng như không thì người đặt điều vu oan mất hết của và cũng phải đi làm đầy tớ. Đây là đặt ra làm vì thế.

Tuy lệ vẫn vậy, nhưng lão quan huyện già trước kia vụ nào cũng xử cho mụ Lường được. Lão ấy đã chết năm ngoái, ông quan này khác. Mụ Lường cũng chẳng lo lắng mấy may. Bởi thế nào cũng thấy pho tượng Rùa Vàng dưới thuyền, chứng cứ chắc chắn thế.

Cả buổi lục trong thuyền không thấy tượng Rùa. Xét kỹ lưỡng lần nữa, chỉ tìm được lót dưới buộc lụa mấy thỏi vàng thoi.

Mụ Lường thua kiện.

Cảnh khổ nhục bao nhiêu năm trước của những người bị cướp của điều đứng thế nào thì bây giờ mụ Lường chịu cả. Mụ phải giải xuống ở chuồng trâu.

Vợ chú lái cho gọi hết kẻ ăn người ở trong nhà lại trước sân. Trông ngay thấy người chồng hom hem gầy yếu đứng lom khom đằng xa. Nàng chạy xuống.

Hai vợ chồng gặp nhau, nước mắt như mưa.

Vợ chồng bán hết gia tài mụ Lường. Được bao nhiêu chia đôi, một nửa mua gạo phát chẩn cho người đói trong vùng. Một nửa đưa xuống thuyền đem về quê.

Mụ Lường xấu hổ, nhảy xuống trầm mình chết ngoài bể. Hồn mụ nhập vào con cá he. Con cá he suốt ngày nhào lên lặn xuống chỗ nước lợ cửa sông cửa bể. Người đời bảo đấy là hồn mụ Lường tiếc của, đi tìm của.



## ÔNG BA VÀNH

Ở làng Giám có một cậu bé lúc mới sinh, hai tay đã dài quá đầu gối. Đến khi biết chạy nhảy, cậu bé trông ra đầu nhà thấy con chim sẻ đậu ngoài bờ rào, cậu thò tay bắt, con sẻ không bay kịp. Trên trán cậu có ba vết kẻ ngang. Vì thế, người làng gọi là Ba Vành.

Lớn lên, Ba Vành còn nhận thấy ở mình một tướng lạ và có một phép lạ. Ấy là trên hai ngón chân cái mọc mấy cái lông. Mỗi khi Ba Vành vượt đám lông chân, bỗng người nhẹ như bấc, nhảy vọt một cái qua nóc nhà. Những phép lạ ấy của Ba Vành chẳng ai biết mà Ba Vành cũng giữ kín.

Ba Vành đi ở chăn trâu trong làng. Cả ngày chơi đùa với trẻ trâu nhưng chẳng khấp cánh đồng. Một lần, bọn trẻ trâu chia hai cánh chơi đánh trận giả. Phe bên Ba Vành thua chạy tán loạn ra bờ sông. Chúng gào đứ đũa nào tóm được Ba Vành thì ăn thưởng. Tiếng reo hò đuổi bắt vang động. Ba Vành bị bắt sống đến nơi rồi.

Ba Vành đứng lại bên mép nước. Bọn nọ xông vào, Ba Vành vồ chân một cái, cất mình bay vọt sang bờ bên kia. Bọn trẻ trâu đứng bên này trở mắt, rồi reo lớn: “Ba Vành biết bay! Ba Vành bay”. Từ đấy, trẻ trâu tôn Ba Vành lên làm vua và chúng nó gọi là ông Ba Vành biết bay.

Có hôm, bọn trẻ mãi chơi, để trâu giẫm nát ruộng mạ của một bà trong làng có tiếng danh ác.

Bà lão chạy ra, réo chửi cả lũ, dọa đi báo lính phủ. Ba Vành tức quá, tóm mạ lại, lấy lạt trói hai tay, rồi nhét một nắm rể cỏ tranh vào miệng. Mụ không kêu, không chửi được nữa.

Ba Vành và cả bọn bắt một con nghé nhà mụ đem thui ăn thịt. Vừa chén vừa hò hét loạn xạ:

– Quân bay, ta ăn khao bắt được giặc!

Bọn tuần trong làng hay tin lũ trẻ trâu đương làm loạn ngoài đồng. Họ vác tay thước, đinh ba, dao bẫy và bộ lưới bắt hổ, ra vây cả lũ. Mấy đứa bị tóm được đã kể Ba Vành là đầu têu. Ba Vành đâu? Ba Vành đã chạy vào rừng phía chân núi. Thế là tuần tráng đuổi theo mé ấy, có đứa bảo trông thấy Ba Vành chui vào bụi tre. Thế là bụi tre bị quăng lưới quây, đàn chó săn nhảy vào sục sạo đánh hơi.

Trong khi ấy Ba Vành đã trèo tót lên ngọn tre. Chúng nó trông thấy, gọi Ba Vành xuống, dọa nếu không thì lấy nỏ bắn. Ba Vành xoa ngón chân cái rồi rún mình, bay sang bên kia sông.

Bọn tuần tráng thấy người bay như người trời bay, hoảng hốt chạy hết.

Nhưng từ hôm ấy Ba Vành cũng không về làng. Cái tiếng Ba Vành võ nghệ siêu phàm, thần thông biến hóa lạ lùng đã vang dội khắp nơi.

Bấy giờ khắp nước, từ kinh đô xuống các cõi nham nhản quan tham lại những. Người dân bị hà hiếp, bao nhiêu oán thán, căm hờn ngùn ngụt như lửa cháy. Đâu đâu cũng tìm theo ông Ba Vành dấy binh. Chẳng bao lâu Ba Vành đã có hàng nghìn quân dưới cờ. Bộ hạ tôn Ba Vành lên làm tướng.

Trận đầu Ba Vành đi đánh phủ Kiến Xương. Quân vây quanh phủ, nửa đêm phi thân vào trong trướng, bắt sống viên tri phủ, trói lại nhét giẻ vào mồm, ném xuống xó nhà. Hôm sau bốn phía bắc loa gọi quân trong phủ đưa nào vào công đường vác được quan tri phủ ra nộp thì được thưởng.

Lát sau, một bọn lính với cái đòn ống lưng lẳng khiêng ra quan tri phủ ra nộp đã bị trói gô. Thế là tay không quân Ba Vành lấy được phủ.

Mấy trận nữa cũng đánh thắng bằng mẹo tài tình ấy của Ba Vành. Cả mấy phủ huyện dọc bể bị quân Ba Vành lấy. Triều đình đã cho quân đi dẹp. Nhưng mấy lần đều bị đánh tan tác. Các ông lãnh, ông đề cầm quân kéo đến cứ nửa đêm đều bị bắt sống trói lại như quan phủ Kiến Xương. Lăm trận chưa phải đánh, quân quan đã chạy như ong vỡ tổ.

Triều đình không biết Ba Vành có phép lạ, không biết tại sao quân Ba Vành tài giỏi như thế. Lần này quân của sáu tỉnh tiến xuống. Các mưu sĩ cho

đi dò la những nơi Ba Vành đóng quân. Nhưng cũng chưa ra manh mối đầu cua tai nheo thế nào.

Rồi các làng quanh đấy với quân quan mở hội chèo hát vui chơi. Quân của Ba Vành đều là những người trong làng ở các nơi về cũng thích hội hè, nhiều người trong doanh trại trốn đi xem hát cả đêm.

Đấy là cái mẹo của bọn mưu sĩ.

Chúng bắt được một lính hầu cận của tướng Ba Vành trong đám hội. Dem về đánh đòn kịch liệt, nhưng người ấy không khai một lời nào.

Rồi quân quan đổi cách tra khảo sang đòn dụ dỗ. Vài hôm một lần dặt lên lầu, rượu thịt đã bày sẵn đem ra đãi. Người lính tù không hiểu thế nào, vừa lạ lại vừa sợ. Một hôm rượu vào quá chén, anh ta ba hoa:

– Các người chưa biết đâu, chúa tôi có thần lông chân, bay được như chim.

Anh ta kể về đám lông thần mọc trên ngón chân cái. Chỉ có mình anh ta được rửa chân, bóp chân cho chủ tướng nên mới biết được.

Người tù được ăn uống no nê mỗi buổi một tiệc, ngày một nhiều món ngon hơn.

Đến hôm được thả thì nó đã hoá ra đũa phản phúc. Nó nói dối mấy phiên chợ vừa qua về quê có bố ốm chết. Ba Vành tưởng thật, lại tin dùng như cũ. Mỗi đêm, Ba Vành uống rượu say đi ngủ, tên thủ hạ manh tâm cầm chiếc kéo sắt cắt từng cái lông mọc trên ngón chân cái. Ba hôm, lông rụng hết, nó trốn đi.

Quân triều đình tiến vào bao vây tứ phía. Ba Vành ung dung nói:

– Quân bay hãy rút lui ra hết, để nó tưởng ta bỏ chạy. Nửa đêm, ta sẽ đi bắt sống tên đầu sỏ.

Đám quân Ba Vành đã đánh mở đường máu ra được hết thì trời vừa tối. Ba Vành một mình ở lại trong trại, ngồi bên án, thanh gươm dựng cạnh cửa.

Tiếng hò reo la ó xung quanh. Ba Vành cười thầm: “Đợi đấy, tao sẽ sang cắt đầu chủ tướng bay”.

Ba Vành cầm thanh gươm, đeo nó và ống tên lên vai rồi cúi xuống vuốt đám lông trên ngón chân cái. Nhưng ngón chân đã nhẵn nhụi. Ba Vành đập chân mấy cái, không bay mình lên được.

Quân triều đình đã phá cổng ào vào. Ba Vành bị chết tại trận.

## GIÁP HẢI

Vào đời nhà Lê, ở Kinh Bắc, có một người đàn bà nghèo, mở ngôi hàng nước ở ven đê kiếm miếng ăn sống qua ngày.

Một hôm, người khách tạt vào hàng uống nước, đến lúc đi bỏ quên cái túi trong có ba thoi vàng. Bà hàng cầm túi cài lên trên vách.

Hôm sau, người khách trở lại, hỏi:

– Bà hàng có thấy cái túi của tôi không?

Bà hàng đưa túi ra, khách mừng quá, lấy ra tạ ơn bà một thoi vàng.

Bà hàng lắc đầu:

– Tôi không dám nhận, tôi chẳng có công gì.

Khách chưa hề gặp đâu người trọng nghĩa khinh tài đến thế. Bèn nói:

– Tôi làm nghề địa lý. Phần mộ các cụ nhà ta ở đâu, tôi tìm đất tốt để cho.

– Tôi chẳng có chồng con, anh em nào, đất tốt cũng không nên danh phận gì ông ạ.

– Không, đất tốt thì rồi sau được phúc.

Người khách khẩn khoản nói. Bà hàng nể lời, đưa ông ra ngoài đồng, chỉ hai ngôi mộ bố mẹ.

Đến một hôm, trời mưa gió liên miên đã mấy ngày. Chập tối, nghe tiếng người gọi ngoài cánh liếp. Bà hàng mở cửa, thấy một người đàn ông đóng khố, vai vác cái giậm. Người ấy rét run, lướt thướt, bước đi lập cập.

Bà hàng thương hại, bảo vào trong nhà. Bà hàng đốt lửa sưởi, lại thổi cơm cho ăn. Đêm rét mướt, mà trong lều chỉ có một ổ lá chuối khô. Không biết thế nào, bà hàng bảo người nhờ độ đường ghé lưng nằm tạm ở đấy.

Rồi hai người thành vợ chồng.

Gà gáy sáng, bà hàng ngoảnh nhìn sang thì người đánh giậm đã chết từ bao giờ. Người đàn bà sợ quá, ngay lúc con mờ đất, công xác con người một đêm nên nghĩa ấy đem chôn dưới chân đê.

Rồi bà hàng có mang. Chửa hoang, bà phải im lặng chịu lòng nước nhieß móc đủ điều. Đến kỳ sinh nở, bà ở cữ được một con trai.

Bà chăm chút con trai nhất mực. Thằng bé được bốn tuổi, mỗi hôm lên đê chơi. Có người lái buôn ở dưới bến, trông thấy bé kháu khỉnh, người lái buôn mua cho bé cái kẹo.

Rồi ẵm bé xuống thuyền, dong buồm đi mất.

Bà hàng lên đê gọi con không thấy. Bà hàng bỏ đi tìm khắp nơi, cũng không thấy ở đâu. Rồi bà hàng ra trước cửa, gặp ai đi qua cũng hỏi, cũng kể lể. Mỗi phiên chợ, bà ngồi khóc cho cái số phận cay cực, hẩm hiu của mình.

Người lái buôn họ Giáp nọ không có con, ông quý chú bé lắm. Ông đặt tên bé là Hải.

Năm sáu tuổi, Giáp Hải đi học, học đâu nhớ đấy, đến năm mười tám tuổi đi thi hương đỗ đầu khoa rồi lên kinh đô ăn học, đợi thi đình.

Một hôm, cậu học trò Giáp Hải đi qua bến Bồ Đề sang thành Thăng Long thấy một người đánh cá xách một con ba ba ra bờ nước mỡ thịt. Giáp Hải động lòng thương con vật bé nhỏ bèn hỏi mua.

Đem ba ba về nhà trọ, Giáp Hải bỏ vào ngăn kéo. Ngày ngày, đến bữa ăn, Giáp Hải mở ngăn, nhắc mai ba ba đem ra, cho ăn một nắm cơm nhỏ.

Một hôm, Giáp Hải đi nghe bình văn về, vào buồng đã thấy mâm cơm dọn sẵn, niêu cơm như vừa bắc ở bếp ra mở vung, khói lên nghi ngút. Lấy làm lạ, Giáp Hải ngồi xuống ăn bữa cơm ngon miệng. Lại lấy con ba ba trong ngăn kéo ra đặt canh mâm, rồi nắm một nhúm cơm cho ba ba ăn.

Hôm sau, Giáp Hải đi nghe bình văn về sớm. Nhìn qua khe vách, thấy một người con gái đương lúi húi thổi niêu cơm trên hoả lò, Giáp Hải chạy vào cất cái vỏ ba ba trên mặt bàn vào ngăn kéo.

Người con gái quay lại, đã thấy Giáp Hải đứng giữa nhà.

Người con gái thẹn thùng nói:

– Thiếp là con vua Thủy. Đi dạo chơi chẳng may quá bước bị sa vào lưới. Được chàng cứu thoát nạn, thiếp xin trả ơn chàng.

Từ hôm ấy, người con gái ở cùng. Sớm sớm, Giáp Hải vẫn đi nghe bình văn, nhưng đầu óc dường như minh mẫn hơn trước nhiều.

Một hôm, người con gái nói:

– Thiếp vắng nhà đã lâu, cha mẹ lại không biết thiếp đi đâu, chắc mong nhớ lắm. Xin chàng về nhà cùng thiếp, cho cả nhà biết mặt chàng rể.

– Tôi là người trần, xuống thế nào được thủy cung?

– Không sao. Chàng nắm tay thiếp cùng đi.

Nói rồi, người con gái lấy cái vỏ ba ba trong ngăn kéo ra. Lập tức, nàng biến vào trong vỏ. Nghe lời nàng, Giáp Hải ôm ba ba đem ra bến Bồ Đề thả xuống. Mặt sông bỗng rẽ ra, Giáp Hải vịn mai ba ba, bước vào trong nước.

Vua Thủy thấy con gái về, mừng rỡ khôn xiết. Rồi mở đại tiệc thết đãi ân nhân đã cứu công chúa. Bây giờ thành người nhà, ở lại Thủy cung ngày đêm Giáp Hải chăm chỉ đọc sách.

Một hôm, vua Thủy bảo Giáp Hải:

– Sắp đến kỳ thi trên kinh đô.

Giáp Hải giã từ thủy cung. Người con gái vua Thủy đưa chàng lên tận cửa bến Bồ Đề, hẹn ngày tái ngộ.

Giáp Hải lên bờ, đi xem niêm yết ngoài công quán rồi về nhà trọ sửa soạn đi thi.

Giáp Hải thi đỗ trạng nguyên khoá ấy.

Người lái buôn họ Giáp, từ ngày mất tích đứa con, già yếu hẳn đi. Chẳng lúc nào khuây được thương nhớ, vài ba tháng lại lên kinh đô tìm kiếm nơi đô hội xem hoạ may có được run rủi thế nào chẳng.

Hôm ấy, ông đi qua công quán Cửa Nam, ông vào xem thấy tên Giáp Hải được viết to trên đầu bảng.

Mừng quá. Đến hôm trở về làng lại nghe inh ỏi loa truyền, trống đánh, tù và rúc báo tin ngày mai quan trạng nguyên về làng vinh quy bái tổ thì niềm vui càng tột độ, đích xác Giáp Hải con ta rồi.

Cả làng linh đình, rầm rộ đón quan trạng. Lễ nghi vua ban cao trọng, về vang rức rờ bao nhiêu thì bà con xóm làng trong vùng phải khó nhọc nửa đêm chầu chực đi đón, cầm cờ, khiêng trống, lại kiệu, lại võng.

Giữa trưa, đám rước về tới đầu làng. Cả trăm nghìn người ra hai bên đường xem mặt quan trạng. Giáp Hải nằm trong võng, nghe ngoài rèm tiếng người nói:

– Quan trạng quê thật ở đâu không biết, chỉ là con nuôi ông lái họ Giáp làng ta thôi.

– Thế mà làm khó nhọc cả mấy làng!

Giáp Hải nghe câu nói, giật mình, mới để ý hình như mình chẳng một nét nào giống bố mẹ. Giáp Hải phân vân, nhưng cũng không dám nói, dám hỏi. Từ đấy, để ý dò la.

Rồi ít lâu sau Giáp Hải biết thêm: Giáp Hải là con một bà hàng nước ở ven đê, ông lái họ Giáp đã đem về nuôi cho ăn học từ thuở bé.

Giáp Hải được bố về làm quan trấn Kinh Bắc.

Một ngày, Giáp Hải đi công cán qua đò ngang sang bên sông, thấy trên ven đê, một bà già lẩm, còm cõi, rách rưới trong ngôi hàng nước. Giáp Hải ghé vào quán.

Hỏi thăm thì biết bà lão ở một mình, ngày trước bà lão cũng có con trai. Nhưng chẳng may thằng bé ngã xuống sông chết từ thuở bé.

Tuy không biết thế nào, nhưng ra về nghĩ cứ đắn đo. Rồi Giáp Hải cho người trở lại ven đê, nói với bà lão quán:

– Quan tôi thấy cố già cả, mà lại chẳng có nơi nương tựa, quan tôi muốn đưa người về ở trong dinh, chẳng hay cố có bằng lòng không?

Bà lão nói:



– Quan lớn có lòng thương như trời bể, già này còn mong gì hơn.

Ở trong dinh, một hôm bà lão trông thấy quan trạng ra hồ tắm. Chân người đi đất, bước ra bến đá. Bà lão bỗng ngồi sụp xuống, khóc òa. Mọi người tưởng bà lão phải cảm, xúm lại đỡ.

Bà lão nói:

– Con trai tôi ngày trước có một vết bớt đỏ trên ngón chân cái bên trái. Bây giờ tôi trông thấy quan lớn cũng có cái bớt đỏ ở ngón chân hết như thế, tôi nhớ con tôi.

Giáp Hải bước tới. Cảm thấy khuôn mặt bà lão hao hao quan trạng. Bà lão cứ cúi xuống ôm bàn chân quan trạng. Hai mẹ con cùng khóc.

Ông lái buôn họ Giáp ở nhà trong bước ra đến trước mặt quan trạng. Ông thú thật rằng ngày trước ông đã bắt trộm đứa trẻ trên đê.

Giáp Hải trọng công lao ông, tuy không sinh ra, nhưng đã nuôi nấng Giáp Hải nên người. Giáp Hải phụng dưỡng cả bố mẹ nuôi và mẹ đẻ, xứng đáng đạo làm con. Cho đến khi bà lão hàng nước và vợ chồng ông lái họ Giáp đều qua đời.

Một ngày kia, quan trạng Giáp Hải đi công cán ra ngoài thành. Đến chập tối, chỉ thấy quân quan dắt ngựa về không.

Những người lính kể rằng lúc về qua bến Bồ Đề, quan trạng xuống ngựa đi bộ, một lúc tự dưng mất dạng. Có người dưới thuyền nói trông thấy quan trạng xuống sông, sông nước rẽ đôi, quan trạng thong dong bước vào dòng nước.

Không biết thực hư thế nào.

# HỒ BA BẾ

(Chuyện cổ dân tộc Tày)

Xã Nam Mẫu ở cheo leo, khuất nẻo, mịt mù giữa hai dãy núi cao giáp giới Cao Bằng. Người qua vùng này phải lặn lội ròng rã cả phiên chợ chưa ra khỏi. Những làng xóm quanh co, nghèo xơ xác, quanh năm chỉ trông vào hạt ngô trên nương mà cũng không đủ ăn. Lại nữa, nơi hiểm hóc ấy là chỗ tụ bọ của những toán cướp đường. Hầu như bọn này quanh năm trộm cướp hoành hành khắp Cao Bằng xuống Thái Nguyên rồi trở về đây trú ngụ.

Chỉ bởi đất thủ hiểm này yên tĩnh lại hiểm trở quân quan triều đình không lọt vào được.

Đã thành lệ, mỗi năm, bắt đầu mùa hạ, khi những trận mưa rào như trút, người các làng xuống đồng vỡ đất bừa ruộng thì bọn cướp ở trong rừng ra, hội lại làm lễ cúng kỳ yên.

Cả vùng Nam Mẫu nghèo đói, bếp núc chẳng mấy khi ấm lửa. Các ông vua bếp, ông thần đất hàng năm lên thiên đình tâu với Ngọc toàn mắt thấy tai nghe những chuyện khổ sở, chẳng còn trông chờ vào đâu, nhà nào cũng chỉ muốn bỏ nương, bỏ núi, bỏ suối đi tìm đất mới.

Thế mà lại có bọn người ở đâu đến, của ăn, của vớt đi không hết, lại còn bày vẽ cầu cúng mong gặp vận may. Các vua đầu bếp lên trời trình với Ngọc Hoàng toàn những chuyện khác lạ không như mọi nhà trong xóm. Chủ nhà không ở yên, thoát đến thoát đi, cuối rừng đầu suối không biết mặt thần đất, bếp núc thì bừa bãi, đôi khi kéo bọn về, ăn uống túi bụi ít ngày rồi lại đi, đi đâu không biết.

Ngọc Hoàng đã cho các thần xuống tận nơi xem ra sao.

Từ sáng sớm, trên các bãi cỏ ven đồi, những tảng thịt trâu ninh trong bếp đã được quăng ra giữa những tàu lá chuối. Người ta vác đến những ống vầu đựng rượu. Vừa sáng, ai cũng đã lại say là đà.

Một bà già ở dưới suối lên, tay chống gậy, áo chàm bạc, váy ướt lướt thướt như ngã xuống nước. Bà lão đi tới đám ăn uống giữa bãi, vật vờ không ra người hay con ma.

Bà lão cúi đầu, chắp tay:

– Các quan cho miếng cơm. Tôi đói lắm.

Có người mắt đỏ phùng, quắc mắt hỏi:

– Đói hả?

– Bẩm vâng.

Một tiếng cười ha hả:

– Đói thì bà già chết đi thôi!

Rồi cả bọn cười râm ran. Bà lão cứ van xin, mọi người cứ ào ào ăn uống, chẳng ai để mắt đến nữa.

Mấy người gác quanh đồi chạy đến cầm gậy hất bà lão đi. Bà lão lúi thủi ra bờ suối ngồi tựa tảng đá. Suốt buổi trưa, trong đồi vẫn chề chén ồn ào, bà lão đói quá, gục mặt xuống.

Đã xế chiều, bà lão ăn mày lần thân đi vào trong xóm. Các nhà vắng, như bỏ hoang. Chưa ai ở rừng, ở nương về. Bà lão ngần ngừ chẳng biết nên vào nhà nào, mà cũng không biết nhà nào có người, có cái ăn. Nghĩ thế, bà lão lại ngồi xuống bên lối đi.

Có hai người vào trong xóm, không biết đi chợ hay ở trên nương về. Một bác đã có tuổi và một cô gái, dáng chừng hai mẹ con.

Trông thấy bà lão ăn mày ngồi ủ rũ, người mẹ đứng lại, ngoái tay sau lưng, nói:

– Bà có ăn sẵn nướng thì về nhà với mẹ con tôi.

Rồi bác ta nhắc cái gậy, dắt bà lão đứng dậy.

Bà lão ăn mày hỏi:

– Có phải mẹ con nhà góa đấy không?

– Thừa phải.

Bà lão ăn mày đi theo.

Mẹ con nhà ấy đi nướng mót được mấy củ sắn già. Bếp được khơi to lấy lửa sưởi và nướng sắn. Mẹ con lúi sắn, trò chuyện với bà lão, thân như ruột thịt.

Những củ sắn trựa, răn như gỗ. Người mẹ bẻ cho bà lão những khúc sắn đã chín nục. Bà lão đói, hai hàm răng móm, nhai trệu trạo.

Bên kia suối, trên bãi cỏ, những bó đuốc cháy đùng đùng, sáng khắp. Vẫn la liệt những tàu lá chuối bày thịt trâu thui và vò rượu nghiêng ngả. Đám này đứng lên, đám khác đã tới. Hàng trăm con người nhộn nhịp lại đánh chén suốt đêm. Chốc chốc, tiếng hét, tiếng hú rùng rợn.

Xung quanh thung lũng bao bọc rừng và núi đá, trời đã xuống sương lành lạnh. Bác góa bảo bà lão ăn mày ngủ cạnh đồng lửa sưởi cho đủ ấm cả đêm. Hai mẹ con vào nằm trong chân vách lều.

Bà lão ăn mày ngủ ngay, tiếng ngáy rờn rờn. Trời dần khuya, những tiếng cười sặc sụa ở đám rượu nghe xa xa như ở đâu. Bấy giờ đã sang canh. Đàn vạc đi ăn khuya ngoài suối bay qua, tiếng kêu rời rạc. Bác chủ nhà thức giấc như mỗi đêm. Thường mọi khi lúc ấy lửa bếp đã vạc, hơi ấm chỉ còn phảng phất trong đồng tro tỏa ra.

Nhưng quái sao, bếp vẫn sáng rực, sáng hơn cả lúc chập tối lửa đương đượm. Bác nhòm lên, nhìn sang.

Cảnh tượng kỳ quái đến khủng khiếp. Một con thồng luồng rừng rực ngoằn nghèo nằm giữa bếp. Đầu gối lên hòn đá tảng trên bếp, đuôi thồng luồng đỏ chói vắt lên vách lều, thò cả ra ngoài mái.

Bác cúi xuống, lay con gái. Người con gái đã ngồi lên từ lúc nào, hai tay búi gối mẹ, run cầm cập. Kinh hãi quá. Cũng không dám kêu cứu. Thồng luồng mà thức dậy, thồng luồng nuốt chửng hai mẹ con.

Nhưng thồng luồng thân lửa vẫn ngáy rờn rợn, hết tiếng ngáy bà lão ăn mày lúc chập tối. Hai mẹ con chúi đầu ôm nhau, cũng không dám mở

mắt, hai mắt nhắm tịt.

Đến một lúc nghe tiếng đàn vạc đi ăn đêm bay về qua. Thế là trời sắp sáng. Hai mẹ con ngẩng lên, mở choàng mắt. Nhìn sang bếp, không thấy thường luồng lửa đâu. Mà bà lão ăn mày đã ngồi dậy, ngồi chắp tay, miệng bà lão rì rầm như khẩn khứa.

Hai mẹ con nhìn nhau. Có phải đêm qua chiêm bao, thực hư thế nào? Chưa kịp biết ra sao, bà lão đã cầm gậy bước tới trước mặt.

Bà lão ăn mày nói một câu mà hai mẹ con bác không hiểu.

– Chúng nó đi giết người cướp của, chúng nó lại cầu trời đất che chở. Trời nào cứu quân ác, quân ác phải chết đi cho trên thế gian được bình yên.

Bà lão ăn mày lấy trong túi áo ra một vốc hạt thóc. Bà lão bảo mẹ con ngồi cẩn trật, tách hạt gạo và vỏ trấu ra. Được một đồng trấu và một nắm những hạt gạo.

Bà lão ăn mày nói:

– Hạt gạo và vỏ trấu là của quý, mẹ con giữ cẩn thận, rồi có việc cần đến. Cứ nhớ hôm nào mưa to gió lớn nước lên không đi đâu được thì mỗi hôm nhấm một hạt gạo sẽ no mười ngày. Còn vỏ trấu này đem thả xuống nước, vỏ trấu cứu ta.

Bà lão ăn mày chống gậy ra cửa lều. Trông theo, mắt hút ngay bóng. Không biết người biến mất hay mây mù sáng sớm buông chùm trắng cả núi.

Nghe bên kia suối, tiếng trâu rống, tiếng rìu xả thịt cộp cộp, khói thui thui, nướng thịt lại bốc lên trong ngọn lửa đỏ, lại sắp một ngày tươi bời ăn uống.

Hai mẹ con cứ nửa tin nửa ngờ sự lạ lòng đột ngột vừa đến. Nhưng cúi xuống, sờ thì thấy vốc vỏ trấu thật, hạt gạo thật. Mẹ con kể cho mấy nhà láng giềng câu chuyện kỳ quái. Ai cũng bảo đấy là năm mê, vợ vẫn. Đến lúc cho xem đồng hạt gạo và vỏ trấu, mọi người cũng cười cợt, chẳng tin, lại bảo mẹ con nhà này sắp hoá lẩn thẩn.

Đám cúng đám cỗ lại linh đình, huyền ảo trên đồi như loạn rừng. Suốt đêm, trời mù mịt, đen thẫm tựa mặt đất. Sáng rồi mà vẫn tối như đêm. Bọn kẻ cướp say rượu ngủ lả trên bãi, ngáy như sấm. Không ai biết cả vòm trời đen kịt đương ập xuống. Những tiếng chuyển động rầm rập, như cây đổ, tiếng đá lăn, tiếng nước réo khủng khiếp.

Một người trên bãi cỏ chột mở mắt, chồm dậy, kêu to:

– Lũ ống! Lũ ống!

Những cột nước trắng xoá quét khắp thung lũng. Trong nháy mắt, trên đồi trôi ngổn ngang tất cả đàn tràng trống mõ, cả những con trâu đã mổ nằm trên giá thờ, lênh bênh mấy trăm con người ngoi ngóp khắp mặt nước.

Một con thường luồng đỏ như lửa vờn dài cả trăm trượng nhào vào giữa làn nước. Thường luồng lồng lộn dướn lên, lặn xuống, những vùng nước nổi sóng xoáy tròn lông lốc, đất đá lở ầm ầm. Trên làn nước cuộn cuộn lúc này còn nhấp nhô cọc lều, con trâu bơi hếch mũi, người chìm ngihim, người bơi, chốc lát đã tan đâu hết, chỉ còn bọt nước nổi lều bều.

Sóng nước lan ra đuổi theo những con lũ ập tới sắp cuốn chìm nốt các xóm làng Nam Mẫu xuống vực. Tất cả lật đật chạy vào ven núi. Mẹ con bác goá nhìn ra vẫn thấy con thường luồng đỏ ngòm bay lên lượn xuống trong nước.

Hai mẹ con chấp tay, cúi đầu vái.

Thường luồng đảo một vòng rồi lặn mất.

Chỉ còn nước mênh mông.

Mẹ con lấy hai hạt gạo ra, mới ngậm ở đầu lưỡi đã ngửi thấy mùi cơm thơm. Lại thả năm vỏ trấu xuống mặt nước. Mỗi mảnh vỏ trấu nở thành một cái thuyền độc mộc. Trông trước mặt, những người trong xóm bị ngập nước đã trèo lên cây, những đứa trẻ leo không được, đứa ngã xuống, đứa khóc thét.

Hai mẹ con bác goá đứng trên hai chiếc thuyền độc mộc, lao sào đẩy thuyền đi, kéo theo cả chục chiếc thuyền bơi đến từng lùm cây buộc thuyền

lại. Thế là cả xóm không ai chết đuối, có người còn lôi được con trâu buộc vào đuôi thuyền.

Mỗi người được mẹ con bác goá đưa cho nhấm một hạt gạo. Thế mà ai cũng cảm như được ăn no.

Hôm sau, nước lũ ống đã rút sạch, để lại một vùng bùn đỏ ối. Những hang hốc và cả trong rừng sâu nơi bọn cướp trú ngụ chỉ thấy cát ngập, không một dấu vết con người.

Nơi thường luồng quần lên chìm chết hết bọn cướp bị hôm xuống thành những hồ nước, chỗ thường luồng lướt trên bùn cái đuôi kéo dài một vệt hoá ra con sông. Sau này, nơi ấy được gọi là sông Năng và hồ Ba Bể – bởi con hồ cách từng quãng núi đá như ba bể nước. Các bãi bồi quanh hồ và dọc sông đất tốt trồng đậu trồng ngô, ngô ở Ba Bể thơm và dẻo chẳng đâu bằng. Cá trắm suối Pé Vài chắc thịt được tiếng cá ngon nhất vùng. Các xóm xã Nam Mẫu trở nên sung túc, giàu có. Các nhà ở đấy ngày nay đều là con cháu đã bao nhiêu đời sinh cơ lập nghiệp nơi ấy, từ ngày con nước lũ ống nghìn năm trước.

Hồ Ba Bể thẳng cảnh Việt Bắc bây giờ, ai đến cũng ngạc nhiên trông thấy mặt hồ man mác giữa những rặng núi cao. Thuyền độc mộc chở khách bên huyện Chợ Rã sang huyện Chợ Đồn, qua giữa lòng hồ trông thấy gò Giả Mải (gò Bà Goá). Người già nói nghe kể ngày xưa nhà mẹ con bác gái goá ở đấy.

## LẤY VỢ CỐC

Có nhà phú hộ kia hiếm hoi quá, quanh năm đi đèn hương kêu cầu khắp cửa đền cửa miếu mà chẳng thấy sinh nở thế nào. Đến năm đã luống tuổi, người vợ mới có mang. Rồi ngày ở cữ, cả nhà mừng rỡ và hồi hộp thì bà ấy trở dạ đẻ ra một con cóc.

Xóm giềng đến chơi hỏi thăm, ai cũng chán ngán. Có người nói: “Đẻ con cóc là điềm xấu, lại chỉ bán nhà”. Người vợ thì ủ ê khóc thầm. Người chồng định tối ấy đem ném con cóc ra ngoài ruộng.

Muôn loài trên mặt đất đều khác nhau, con dê mới sinh đã có râu cằm và đứng dậy đi ngay được, con chim cả đời chỉ mặc một cái áo, con cóc mới nở là con nòng nọc, vài hôm nòng nọc đứt đuôi hoá con cóc, biết nhảy biết nghiêng răng, biết mọi thứ như đã lớn.

Nghe bố nói thế, cóc nhảy đến, vòng hai chân trước, thưa:

– Bố đừng vứt con ra ruộng mà tội nghiệp con. Con ở với bố mẹ, mai kia con lớn con biết làm đỡ được việc nhà.

Nghe Cóc nói thế, bố mẹ mỉm lòng. Thế là bố không nghĩ đem bỏ Cóc ra ngoài đồng nữa. Rồi chẳng bao lâu, quả là Cóc biết giúp việc nhà. Cóc canh cửa. Cóc đuổi mèo ăn vụng, Cóc xua chim sẻ nhặt trộm thóc phơi ngoài sân. Cả ngày Cóc tha thần bắt muỗi. Thỉnh thoảng, Cóc hát véo von rồi lại nghiêng răng kèn kẹt làm vui tai mọi người. Trong nhà đầm ấm hẳn, bố mẹ càng thương Cóc, có người gọi là cô Cóc, cô Cóc ơi cô Cóc.

Có nhà thầy đồ dạy học trong xóm. Trong đám môn sinh có một học trò nhà nghèo, cha mẹ mất sớm. Nhưng anh có chí ham học. Ngày ngày đi cày, đi gánh nuôi thân rồi lại chăm chỉ cắp sách đi học.

Mỗi buổi sáng, anh đến nhà thầy đồ, đều đi qua cổng nhà phú ông. Tháng mười lúa đương chín rộ, những bông thóc vàng nặng trĩu. Anh học trò đói lòng lại cũng buồn miêng, cúi xuống rút một bông lúa để cắn trấu.



Nghe tiếng nói eo éo trong ruộng:

– Anh đồ ơi, không được ngắt lúa nhà em.

Anh nhìn quanh quất, chẳng thấy ai. Tan buổi học, anh học trò về qua, lại ngắt một bông lúa. Trong ruộng lại lạnh lạnh tiếng người nói:

– Anh đồ ơi, đừng ngắt lúa nhà em.

Lần này anh đồ đứng lại, nhìn hồi lâu vào trong ruộng, cũng không thấy gì lạ. Nhưng anh cố tìm xem ai nói, người hay ma. Anh rẽ lúa bước vào, nhìn quanh bốn góc ruộng.

Mãi mới trông thấy một con cóc ngồi trên tảng đá bên bờ.

Anh hỏi băng quơ:

– Vừa rồi, Cóc nói hay ai nói thế?

Cóc đáp:

– Em bảo anh đừng ngắt lúa đấy.

Anh học trò rất đổi ngạc nhiên. Cóc lại nói:

– Lúa nhà em chín sớm. Bố em sai em ra trông. Từ giờ anh đồ đừng ngắt lúa nhà em nữa. Anh đồ về đi, kéo muện. Trưa nay anh đồ còn phải một buổi đi cày vỡ ruộng cho nhà người ta, nhớ không?

Lạ lắm, Cóc ngồi đây mà lại biết tường tận công việc của mình thế. Quả là đã muện, anh học trò không dám dùng dằng nữa, ba chân bốn cẳng về.

Từ đấy, mỗi hôm đi qua ruộng lúa, anh học trò đứng lại trò chuyện với Cóc. Cóc ngồi bờ ruộng, Cóc nói vui lắm. Tiếng trong trẻo, dịu dàng khiến anh đồ tưởng như có một cô gái xinh đẹp đương cùng nhau nói lời. Dần dần, hôm nào không được đi qua thì nhớ.

Rồi thửa ruộng đã gặt quang, không trông thấy Cóc đâu. Anh học trò đi tới, đứng thẩn thờ. Nghe tiếng gọi trong cổng ngăn:

– Anh đồ ơi! Em ở trong cổng cơ mà.

Anh học trò vào cổng nói chuyện với Cóc. Về nhà vẫn còn nghe tiếng người thán thốt bên tai. Tiếng cô gái hay tiếng con Cóc, anh chàng mơ màng cả trong giấc ngủ.

Anh học trò phải lòng cô Cóc rồi. Anh học trò lại mê cô Cóc là đằng khác.

Một ngày kia, anh nhờ bà mối đến hỏi xin nhà phú ông cho anh lấy Cóc làm vợ.

Đầu tiên, ông bà phú ông ngỡ ngàng, tưởng nghe nhầm. Từ khi sinh con đến giờ nào ai thèm biết mặt con cóc ngồi trong khe cửa, con cóc nhảy nhô nhảy nhớp, bây giờ lại có người đến hỏi Cóc làm vợ. Nhà phú ông cũng chẳng biết nói với bà mối thế nào.

Nhưng phú ông đã rõ gia cảnh nhà anh học trò nghèo ấy, nên cũng nhận lời. Lại thương anh đờ, cho nên các lễ lạt đem tới nhà gái ông bà đều lo cho cả, từ trạm ngõ đến ăn hỏi, rồi sêu tết đến cỗ bàn ngày cưới.

Chẳng bao lâu, được ngày lành tháng tốt, đám cưới anh học trò lấy vợ Cóc thật linh đình. Ai cũng vừa tò mò, vừa thương tình, người làng đến ăn cỗ đông đủ.

Anh học trò được ở gửi rể nhà phú ông. Phú ông làm cho ba gian nhà ngoài góc vườn, vợ chồng ra ở riêng đấy. Cô Cóc lại nhảy ra nhảy vô vui hát cả ngày.

Nhưng người lấy vợ cóc đã là câu chuyện mua cười cho khắp nơi, từ mọi nhà ra ngoài chợ. Câu chuyện được bàn tán ở lớp học nhà thầy đồ thì lại ra một vẻ đùa cợt và ác ý khác. Bạn bè thấy anh vẫn vui cười, mặc quần lành áo tốt, mà việc học lại như giỏi giang hơn trước, thì đâm ra khó chịu và chế giễu cái anh tham của mà chui đầu lấy vợ là con cóc. Họ tìm cách làm cho anh bẽ mặt.

Đến ngày nhà thầy có kỵ. Hàng năm, mọi giỗ chạp nhà thầy các môn sinh đều đứng ra lo liệu. Năm nay, họ xui anh trưởng tràng đối lệ, mọi khi góp tiền và kéo nhau đến nhà thầy làm cỗ thì lần này mỗi người biện lẽ một

món bưng đến để thầy chấm xem thức ăn nhà ai ngon hơn cả. Lại định lệ rằng món quý chỉ người vợ khéo tay nấu nướng, không được nhờ ai.

Anh học trò lấy vợ Cóc làm thế nào bây giờ? Vợ anh chỉ biết nhảy ra uống sương ngoài vườn, thế thì làm sao nấu được món ăn ngon đưa đến nhà thầy.

Anh đồ lo quá. Anh không dám nói với vợ, nhưng anh không nín được đôi lúc thở dài. Cóc đã đoán được nỗi buồn phiền của chồng, bèn gặng hỏi. Anh phải nói thật, thì vợ Cóc cười khanh khách mà rằng:

– Tưởng gì, em sẽ nấu một bát cá lăng canh chua quả dọc để anh mang biếu thầy.

Hôm nhà thầy có việc, sáng sớm anh vừa trở dậy nhìn trên án thư đập lồng bàn đã thấy trong có bát canh cá lăng, khói thơm nghi ngút. Cá lăng sinh sống ở ngã ba sông Cái, mỗi năm chỉ ra ăn vào kỳ có gió rải đồng. Chẳng mấy ai biết cá lăng, chỉ nghe đồn thịt cá anh vũ thơm ngon nhất, thế mà vợ cóc đã tìm được, nấu được món cá hiếm quý đem biếu thầy.

Anh bưng mâm cá đem đến nhà thầy. Ai cũng xúm đến xem cá anh vũ mỡ vàng như nghệ. Đến lúc thầy nếm, miếng cá thơm hơn năm hương. Thế là món biếu thầy của anh học trò có vợ Cóc không ai bằng được. Ai cũng hỏi anh mua cá hiếm này ở chợ hay ở bến, vợ anh nấu canh cá thế nào. Anh chỉ cười.

Nhưng đám học trò chưa chịu thôi các trò ranh ma khoảnh ác. Anh chàng lấy vợ cóc vẫn thản nhiên cười nói thì họ bực lắm.

Chẳng bao lâu, đến dịp thầy đồ làm lễ thượng thọ. Học trò mỗi người may một bộ quần áo mới mừng thầy. Trưởng tràng lại ra lệ đua tài, không ướm, không đo mà làm sao vừa khổ người thầy, lại phải là của vợ hiền may.

Đi học về, anh chàng bước thất thểu, mặt thần thờ. Vợ Cóc hỏi có việc gì không vui. Anh kể. Vợ Cóc nói:

– Anh chớ quá nghĩ mà chệnh mảng học hành. Ngày mai, anh ở nhà thầy về, thì em đã may xong.

Hôm sau, chồng vừa ra cửa, vợ Cóc hóa thành con muỗi mắt đậu vào lưng áo chồng đi đến nhà thầy. Đến nơi, nàng bay sang đậu vào áo ông đồ. Chỉ trong nháy mắt, đã đo được mọi kích thước cần cho người may bộ quần áo.

Giữa trưa, chàng về nhà. Vợ ra ngoài bậc cửa đón.

– Áo quần em đã may mừng thọ thầy rồi đấy.

Trên án thư, gấp nếp một bộ quần áo đũi tơ vàng mới nguyên.

Đúng ngày lễ mừng thầy, chàng mang bộ quần áo đũi lụa đến nhà thầy vừa lúc mọi người cũng đưa xống áo mới đến để thầy ngắm, thầy thử. Chẳng được vừa ý, bộ nào cũng không rộng quá thì so le dài ngắn, lại toàn là vải gốc, vải nâu mộc mạc. Lúc trưởng tràng vào đưa thầy bộ quần áo đũi của anh vợ Cóc. Bộ quần áo dài rộng màu lụa đũi vàng ngời, người già mặc càng đẹp lão. Thầy tấm tắc khen hỏi bộ quần áo của trò nào.

Không phải bình giải mà người đố kị nhất cũng đều nhận bộ quần áo của anh chàng vợ Cóc biểu thầy không của trò nào sánh được. Ai ngoài miệng cũng tấm tắc khen, nhưng trong lòng càng ăm ức.

Lại một dịp đòn đánh nữa mà đám người xấu bụng đương chờ đợi. Đầu năm mới, hôm buổi khai trương sẽ như đám hội, nhà thầy làm cỗ mừng xuân thết học trò.

Người trưởng tràng nói:

– Chúng ta học hành được giỏi giang, trên nhờ thầy dạy, ở nhà được vợ lo liệu mọi mặt cho ta được chuyên tâm ăn học. Ngày mai đầu xuân chúng ta cùng đến cả hai vợ chồng năm mới mừng tuổi thầy.

Mọi người reo mừng hoan hỉ. Anh chàng vợ Cóc cố làm vẻ tự nhiên, nhưng ai cũng đã trông thấy nỗi ngờ ngác thần thờ hiện lên trên mặt anh.

Vợ Cóc có đi đâu bao giờ, mà giá có đi thì cũng nhảy nhấp nhô theo chồng, chẳng lẽ lại lấy cái túi bỏ vợ vào để xách đi. Làm thế nào bây giờ? Phen này thì hỏng cả rồi.

Về nhà, anh nằm dài trên giường, tay vất lên trán, mắt trừng trừng lên xà nhà.

Vợ hỏi:

– Có điều gì phải nghĩ mà không ăn được cơm?

Khi chồng kể hết nỗi lo, thì vợ nói:

– Mai em đi với anh đến mừng tuổi thầy.

– Em đi làm sao?

– Anh đừng lo.

Hôm sau, ngoài đường bọn bè bạn đã đi qua hết, anh mới dám bước ra. Anh đi trước, đi thật chậm. Vợ Cóc lạch bạch nhảy theo. Thỉnh thoảng, anh phải đứng đợi. Mặt anh cúi gằm, anh vừa ngượng lại vừa thương vợ.

Đi mãi rồi cũng sắp đến cổng nhà thầy. Trong nhà, đã nghe tiếng cười nói vắng ra.

Cạnh đường có một bụi nứa um tùm.

Vợ bảo:

– Anh đứng đây đợi em một lát.

Vợ Cóc nhảy vào bụi nứa.

Lát sau, trong vòm lá nứa xanh um bước ra một cô gái da trắng như trứng gà bóc, đôi mắt sáng ngời. Váy áo mới ba mới bảy rực rỡ, rõ ràng một cô gái đi chơi xuân đẹp nhất hội.

Cô gái cười, nói:

– Anh chưa nhận ra em à? Em đây.

Nghe tiếng nói, vẫn cái tiếng vợ Cóc lạnh lạnh mà dịu dàng mọi khi. Anh nghẹn ngào không thốt được nên lời.

Hai vợ chồng sánh vai bước vào nhà thầy.

Mọi người nhìn ra. Ai cũng kinh ngạc tròn xoe mắt. Đã tưởng anh chàng đi với cô vợ Cóc nhô nhớp nhảy theo nên đến chậm. Hoá ra vợ Cóc

lại là một giai nhân đẹp tuyệt trần mà cả đám vợ các bạn học trò không ai có thể ví với được.

## Notes

[←1]

*Dững: cắm dững làm vách, trát dững (Từ điển chính tả của Hoàng Tuyền Linh – Vũ Xuân Lương). Viết là “Đan dững làm vách” đúng hơn. Câu tục ngữ “dững mạch vách tai”, chữ “dững” ở đây không có nghĩa.*

[←2]

*Lệ thời ấy, đồ tiến sĩ được nhà vua cho ba mẫu đất ở làng.*



# Table of Contents

TRANG HÍT

NÀNG XUÂN HƯƠNG

HAI NHÀ SƯ CHẾT OAN

ĐỘNG TỪ THỨC

VỢ CHÀNG TRƯỞNG

TRA TẤN HÒN ĐÁ

VUA HEO

CHƯA ĐỠ ÔNG NGHÈ ĐÃ ĐE HÀNG TỔNG

CHÀNG RỄ KÉM MẮT

ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH

MỤ LƯỜNG

ÔNG BA VÀNH

GIÁP HẢI

HỒ BA BỀ

LẤY VỢ CỐC